

Số: 194 /QĐ-KTTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về nội dung, tần suất và phân cấp trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường

CỤC TRƯỞNG CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Khí tượng Thủy văn;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 08/2022/TT-BTNMT về nội dung bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, tần suất ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và phân cấp trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, Giám đốc Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn, Giám đốc Trung tâm Điều tra khảo sát, Công nghệ và dịch vụ khí tượng thủy văn, Giám

đọc các Đài Khí tượng Thủy văn: Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên, Giám đốc các Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ trưởng Lê Công Thành (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu: VT, QLDB.LH.

nt



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thượng Hiền

**QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, TẦN SUẤT VÀ PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM
BAN HÀNH BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 194/QĐ-KTTV ngày 08 tháng 5 năm 2025
của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về nội dung, tần suất và phân cấp trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (KTTV) trong điều kiện bình thường bao gồm: dự báo, cảnh báo xu thế trên đất liền thời hạn đến 10 ngày (gộp nội dung dự báo xu thế thời tiết thời hạn ngắn và xu thế thời tiết thời hạn vừa); dự báo, cảnh báo thời tiết điểm đến 10 ngày (gộp nội dung dự báo các yếu tố thời tiết thời hạn ngắn và các yếu tố thời tiết thời hạn vừa); dự báo, cảnh báo khí hậu thời hạn dài; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa (gộp nội dung bản tin khí hậu thời hạn mùa, thủy văn thời hạn mùa, nguồn nước thời hạn mùa và hải văn thời hạn mùa); dự báo khí hậu thời hạn năm; dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn ngắn; dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn vừa; dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn dài; dự báo nguồn nước thời hạn ngắn; dự báo nguồn nước thời hạn vừa; dự báo nguồn nước thời hạn dài; dự báo nguồn nước thời hạn năm; dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn đến 10 ngày (gộp nội dung bản tin hải văn thời hạn ngắn và hải văn thời hạn vừa); dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn dài; dự báo KTTV phục vụ nông nghiệp thời hạn vừa; dự báo KTTV phục vụ nông nghiệp thời hạn dài; dự báo KTTV phục vụ nông nghiệp thời hạn mùa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Cục KTTV có liên quan đến các hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi phân cấp trách nhiệm

1. Phân công rõ trách nhiệm ban hành bản tin của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, các Đài KTTV tỉnh đối với từng loại bản tin dự báo, cảnh báo KTTV trong điều kiện bình thường, đảm bảo đầy đủ, chi tiết, kịp thời của các bản tin và không chồng chéo giữa các cấp dự báo.

2. Các vị trí trùng nhau trong bản tin dự báo, cảnh báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam

Bộ và Tây Nguyên, các Đài KTTV tỉnh sẽ do Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia quyết định trị số dự báo, cảnh báo.

3. Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên tổ chức thực hiện bản tin dự báo, cảnh báo nền cho các tỉnh thuộc phạm quản lý và hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh nếu cần.

4. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, các Đài KTTV tỉnh phải thực hiện trao đổi, cập nhật thông tin, dữ liệu đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo thống nhất, đầy đủ, kịp thời; bản tin dự báo, cảnh báo phải được chia sẻ kịp thời giữa các cấp, đảm bảo Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, các Đài KTTV tỉnh nhận đầy đủ các bản tin của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia và ngược lại.

5. Hằng năm, căn cứ theo tình hình thực tiễn, Cục KTTV sẽ giao trách nhiệm ban hành bản tin dự báo KTTV phục vụ nông nghiệp cho đơn vị phù hợp để thực hiện.

Chương II

NỘI DUNG, TẦN SUẤT VÀ PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM BAN HÀNH BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG

Điều 4. Dự báo, cảnh báo xu thế thời tiết trên đất liền thời hạn đến 10 ngày

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến các hình thế thời tiết ảnh hưởng, dự báo xu thế diễn biến thời tiết và cảnh báo các hiện tượng thiên tai đi kèm (nếu có) cho các khu vực trong 24 giờ đến 48 giờ đầu;

- Diễn biến các hình thế thời tiết chính, dự báo xu thế biến đổi thời tiết và cảnh báo các hiện tượng thiên tai đi kèm (nếu có) ảnh hưởng đến các khu vực từ ngày thứ 03 đến ngày thứ 10;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Mức độ chi tiết: đến các khu vực trên đất liền tương ứng phạm vi thuộc Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên quản lý.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 02 bản tin trước: 09 giờ 30 và 14 giờ 30.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên

Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên tổ chức thực hiện bản tin dự báo, cảnh báo xu thế thời tiết trên đất liền thời hạn đến 10 ngày cho các tỉnh thuộc phạm vi quản lý và hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh nếu cần. Nội dung bản tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

Điều 5. Dự báo, cảnh báo thời tiết điểm đến 10 ngày

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), trị số các yếu tố bao gồm: lượng mưa, xác suất mưa, nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất), hướng và tốc độ gió, độ ẩm tương đối trong 24 giờ đầu, chi tiết đến từng khoảng 12 giờ (ngày, đêm);

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), xác suất mưa, trị số các yếu tố bao gồm: nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất, hướng và tốc độ gió thịnh hành theo từng ngày từ ngày thứ 02 đến ngày thứ 03;

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), xác suất mưa, trị số các yếu tố bao gồm: nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất theo từng ngày từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 10, tổng lượng mưa trong thời hạn 10 ngày;

- Mức độ chi tiết: đến các địa điểm đặc trưng của tất cả các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại Phụ lục I Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 02 bản tin trước: 04 giờ 30 và 15 giờ 30.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến các hình thế thời tiết chính ảnh hưởng đến khu vực trong 10 ngày tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), trị số các yếu tố bao gồm: lượng mưa, xác suất mưa, nhiệt độ (cao nhất/thấp nhất), hướng và tốc độ gió, độ ẩm tương đối trong 24 giờ đầu, chi tiết đến từng khoảng 12 giờ (ngày, đêm);

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), xác suất mưa, trị số các yếu tố bao gồm: nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất, hướng và tốc độ gió thịnh hành theo từng ngày từ ngày thứ 02 đến ngày thứ 03;

- Hiện tượng thời tiết (mây, mưa, nắng), xác suất mưa, trị số các yếu tố bao gồm: nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất theo từng ngày từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 10, tổng lượng mưa trong thời hạn 10 ngày;

- Mức độ chi tiết: đến các quận/huyện thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở được quy định tại Phụ lục II Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 01 bản tin trước 15 giờ 30.

Điều 6. Dự báo, cảnh báo khí hậu thời hạn dài (tháng)

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến thời tiết nổi bật trong tháng trước, dự báo xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa, cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trong thời hạn 01 tháng;

- Trị số nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các khu vực trên đất liền tương ứng phạm vi thuộc Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên quản lý.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 12 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến thời tiết nổi bật trong tháng trước, dự báo xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa, cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trong thời hạn 01 tháng;

- Trị số nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến cấp huyện/trạm khí tượng thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

3. Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên tổ chức thực hiện bản tin nền dự báo, cảnh

báo thời tiết hạn dài cho các tỉnh thuộc phạm vi quản lý và hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh nếu cần. Nội dung bản tin thực hiện theo điểm a, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

*** Khí hậu:**

- Phân tích, đánh giá diễn biến khí hậu nổi bật tính đến thời điểm phát tin. Dự báo trị số nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa theo từng tháng trong 03 tháng đầu và diễn biến xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các khu vực trên đất liền tương ứng phạm vi thuộc Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên quản lý.

*** Thủy văn và nguồn nước:**

- Diễn biến xu thế, trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) trung bình, cao nhất, thấp nhất và tổng lượng nước mặt của từng tháng trong 03 tháng đầu, diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có) và tổng lượng nước mặt trong 03 tháng tiếp theo và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm, các thiên tai liên quan đến sự thiếu hụt nguồn nước có thể xảy ra trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết dự báo, cảnh báo thủy văn: đến các lưu vực sông thuộc các khu vực tương ứng với phạm vi quản lý của Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục III Quyết định này.

- Mức độ chi tiết dự báo, cảnh báo nguồn nước: đến các khu vực tương ứng với phạm vi quản lý của Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này.

*** Hải văn:**

- Phân tích, đánh giá diễn biến hải văn nổi bật tính đến thời điểm phát tin. Dự báo trị số thủy triều (độ cao, thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng) theo từng tháng trong 03 tháng đầu và diễn biến xu thế thủy triều trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo khả năng xuất hiện triều cường và các hiện tượng hải văn nguy hiểm khác trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế -

xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến 06 khu vực biên giáp đất liền Việt Nam (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg) và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

* Khí hậu:

- Phân tích, đánh giá diễn biến khí hậu nổi bật tính đến thời điểm phát tin. Dự báo trị số nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa theo từng tháng trong 03 tháng đầu và diễn biến xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo khả năng xuất hiện các hiện tượng khí hậu cực đoan trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến cấp huyện/trạm khí tượng thuộc tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở.

* Thủy văn và nguồn nước:

- Diễn biến xu thế, trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) trung bình, cao nhất, thấp nhất và tổng lượng nước mặt theo từng tháng trong 03 tháng đầu; diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có) và tổng lượng nước mặt trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm, các thiên tai liên quan đến sự thiếu hụt nguồn nước có thể xảy ra trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết dự báo, cảnh báo thủy văn: đến các lưu vực sông thuộc các tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này;

- Mức độ chi tiết dự báo, cảnh báo nguồn nước: đến các khu vực thuộc các tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này.

* Hải văn (áp dụng cho Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên):

- Phân tích, đánh giá diễn biến hải văn nổi bật tính đến thời điểm phát tin.

Dự báo trị số thủy triều (độ cao, thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng) theo từng tháng trong 03 tháng đầu và diễn biến xu thế thủy triều trong 03 tháng tiếp theo so sánh với giá trị trung bình nhiều năm; cảnh báo khả năng xuất hiện triều cường và các hiện tượng hải văn nguy hiểm khác trong 06 tháng tới; khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến vùng biển, ven biển, đảo, quần đảo thuộc khu vực quản lý và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 17 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

3. Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên tổ chức thực hiện bản tin nền dự báo, cảnh báo thời tiết, thủy văn, hải văn thời hạn mùa cho các tỉnh thuộc phạm vi quản lý và hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh nếu cần. Nội dung bản tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

Điều 8. Dự báo khí hậu thời hạn năm

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích diễn biến khí hậu trong 01 năm qua (diễn biến của nhiệt độ, lượng mưa và các hiện tượng khí hậu cực đoan như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, nắng nóng, rét đậm, rét hại, mưa đá, sương muối...);

- Nhận định xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa theo từng 06 tháng trong thời hạn 01 năm; nhận định xu thế khí hậu, cực trị khí hậu và các hiện tượng khí hậu cực đoan trong thời hạn 01 năm trên quy mô toàn cầu, khu vực và Việt Nam;

- Mức độ chi tiết: đến các khu vực trên đất liền tương ứng phạm vi thuộc Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên quản lý.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi năm ban hành 02 bản tin trước 17 giờ 00 các ngày 15 tháng 01 và 15 tháng 7. Trong trường hợp cần thiết, cần bổ sung một số bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên

Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên tổ chức thực hiện bản tin dự báo khí hậu thời

hạn năm cho các tỉnh thuộc phạm vi quản lý và hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh nếu cần. Nội dung bản tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

Điều 9. Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn ngắn

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có) và khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo;

- Trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) theo thời hạn dự báo:

- + Đối với các trạm thủy văn ảnh hưởng triều: trị số mực nước cao nhất, thấp nhất trong thời hạn dự báo;

- + Đối với các trạm thủy văn khác: trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) tại các thời điểm ứng với từng khoảng thời gian 06 giờ trong thời hạn dự báo;

Trong trường hợp dự báo mực nước trên sông có thay đổi lớn do chịu tác động của thời tiết nguy hiểm hoặc xả lũ bất thường từ các hồ chứa, thực hiện bổ sung trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) cao nhất và thấp nhất trong thời hạn dự báo.

- Thời hạn dự báo (được tính kể từ thời điểm có trị số thực đo cuối cùng) được quy định tại Phụ lục III Quyết định này;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc 07 khu vực và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục III Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi ngày ban hành 07 bản tin cho 07 khu vực và tổng hợp thông tin cung cấp cho các đơn vị theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trước 10 giờ 30;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo;

- Trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) theo thời hạn dự báo:

- + Đối với các trạm thủy văn ảnh hưởng triều: trị số mực nước cao nhất, thấp nhất trong thời hạn dự báo;

+ Đối với các trạm thủy văn khác: trị số mực nước và lưu lượng nước (nếu có) tại các thời điểm ứng với từng khoảng thời gian 06 giờ trong thời hạn dự báo;

Trong trường hợp dự báo mực nước trên sông có thay đổi lớn do chịu tác động của thời tiết nguy hiểm hoặc xả lũ bất thường từ các hồ chứa, thực hiện bổ sung trị số mực nước, lưu lượng nước (nếu có) cao nhất và thấp nhất trong thời hạn dự báo.

- Thời hạn dự báo của các trạm thủy văn (được tính kể từ thời điểm có trị số thực đo cuối cùng) được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc các tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi ngày ban hành 01 bản tin trước 11 giờ 30;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

3. Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên tổ chức thực hiện bản tin nền dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn ngắn cho các tỉnh thuộc phạm vi quản lý và hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh nếu cần. Nội dung bản tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

Điều 10. Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn vừa

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn dự báo;

- Trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước (nếu có) theo từng khoảng thời gian 05 ngày trong thời hạn dự báo;

- Thời hạn dự báo, cảnh báo: đối với các sông thuộc vùng ảnh hưởng thủy triều ở khu vực Nam Bộ là đến 10 ngày và bổ sung thêm xu thế mực nước từ ngày thứ 11 đến ngày thứ 15; đối với các sông còn lại là đến 05 ngày trong mùa lũ và đến 10 ngày trong mùa cạn;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc 07 khu vực và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục III Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Trong mùa lũ: vào các ngày: 01, 06, 11, 16, 21, 26, mỗi ngày ban hành 07 bản tin cho 07 khu vực và tổng hợp thông tin cung cấp cho các đơn vị theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trước 15 giờ 00;

- Trong mùa cạn: vào các ngày: 01, 11, 21, mỗi ngày ban hành 07 bản tin cho 07 khu vực và tổng hợp thông tin cung cấp cho các đơn vị theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trước 15 giờ 00;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài các bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn dự báo;

- Trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước (nếu có) theo từng khoảng thời gian 05 ngày trong thời hạn dự báo;

- Thời hạn dự báo tương tự như đối với Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc các tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Trong mùa lũ: mỗi tháng ban hành 06 bản tin trước 16 giờ 00 các ngày: 01, 06, 11, 16, 21 và 26;

- Trong mùa cạn: mỗi tháng ban hành 03 bản tin trước 16 giờ 00 các ngày: 01, 11 và 21;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài các bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

3. Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên tổ chức thực hiện bản tin nền dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn vừa cho các tỉnh thuộc phạm vi quản lý và hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh nếu cần. Nội dung bản tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

Điều 11. Dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn dài

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn 01 tháng;

- Trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước (nếu có) từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc 07 khu vực và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục III Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 07 bản tin cho 07 khu vực và tổng hợp thông tin cung cấp cho các đơn vị theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trước 15 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước (nếu có), cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra trong thời hạn 01 tháng;

- Trị số đặc trưng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất của mực nước, lưu lượng nước (nếu có) từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến các lưu vực sông thuộc các tỉnh/thành phố nơi Đài KTTV đặt trụ sở và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục IV Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

3. Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên tổ chức thực hiện bản tin nền dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn dài cho các tỉnh thuộc phạm vi quản lý và hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh nếu cần. Nội dung bản tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

Điều 12. Dự báo nguồn nước

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Bản tin nguồn nước thời hạn ngắn

- Nội dung dự báo, cảnh báo

- + Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 07 ngày;

- + Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt chi tiết từng ngày trong 07 ngày và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm trong thời hạn 07 ngày.

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin: mỗi tháng ban hành 04 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 01, 08, 15 và 22. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

b) Bản tin nguồn nước thời hạn vừa

- Nội dung dự báo, cảnh báo

- + Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 15 ngày;

- + Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 15 ngày và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm;

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin: mỗi tháng ban hành 02 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 01 và 16. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

c) Bản tin nguồn nước thời hạn dài (tháng)

- Nội dung dự báo, cảnh báo

- + Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 01 tháng;

- + Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 01 tháng và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm;

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục V Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin: mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 15 giờ 00 ngày 01 của tháng. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

d) Bản tin nguồn nước thời hạn năm

- Nội dung dự báo, cảnh báo

+ Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 01 năm;

+ Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 01 năm và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm;

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định trong Phụ lục V Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin: mỗi năm ban hành 04 bản tin trước 15 giờ 00 các ngày: 15 tháng 01, 15 tháng 04, 15 tháng 07 và 15 tháng 10. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên

a) Bản tin nguồn nước thời hạn ngắn

- Nội dung dự báo, cảnh báo

+ Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 07 ngày;

+ Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt chi tiết từng ngày trong 07 ngày và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm trong thời hạn 07 ngày.

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin:

+ Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên: mỗi tháng ban hành 08 bản tin cho 02 khu vực trước 16 giờ 00 các ngày: 01, 08, 15 và 22. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

+ Đài KTTV Trung Bộ: mỗi tháng ban hành 12 bản tin cho 03 khu vực trước 16 giờ 00 các ngày: 01, 08, 15 và 22. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

b) Bản tin nguồn nước thời hạn vừa

- Nội dung dự báo, cảnh báo

+ Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 15 ngày;

+ Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 15 ngày và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm.

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin:

+ Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên: mỗi tháng ban hành 04 bản tin cho 02 khu vực trước 16 giờ 00 các ngày: 01 và 16. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

+ Đài KTTV Trung Bộ: mỗi tháng ban hành 06 bản tin cho 03 khu vực trước 16 giờ 00 các ngày: 01 và 16. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

c) Bản tin nguồn nước thời hạn dài (1 tháng)

- Nội dung dự báo, cảnh báo

+ Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 01 tháng;

+ Trị số tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 01 tháng và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm.

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin:

+ Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên: mỗi tháng ban hành 02 bản tin cho 02 khu vực trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

+ Đài KTTV Trung Bộ: mỗi tháng ban hành 03 bản tin cho 03 khu vực trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

d) Bản tin nguồn nước thời hạn năm

- Nội dung dự báo, cảnh báo

+ Diễn biến xu thế, phân bố tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt và cảnh báo thiếu hụt nguồn nước hoặc các thiên tai liên quan đến thiếu hụt nguồn nước như: xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở, sụt lún đất do hạn hán (nếu có) trong 01 năm;

+ Trị số của tổng lượng nước mưa, tổng lượng nước mặt trong 01 năm tới và so sánh với giá trị trung bình nhiều năm.

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VI Quyết định này;

- Tần suất và thời gian ban hành bản tin:

+ Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên: mỗi năm ban hành 08 bản tin cho 02 khu vực trước 16 giờ 00 các ngày: 15 tháng 01, 15 tháng 04, 15 tháng 07 và 15 tháng 10. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

+ Đài KTTV Trung Bộ: mỗi năm ban hành 12 bản tin cho 03 khu vực trước 16 giờ 00 các ngày: 15 tháng 01, 15 tháng 04, 15 tháng 07 và 15 tháng 10. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

Điều 13. Dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn đến 10 ngày

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Hiện tượng thời tiết trên biển (mưa), trị số các yếu tố đặc trưng bao gồm: tầm nhìn xa, hướng và tốc độ gió, trạng thái mặt biển, thủy triều (độ cao và thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng), sóng biển (độ cao và hướng sóng), dòng chảy (vận tốc và hướng dòng chảy mặt) trong từng ngày từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 03;

- Trị số và thời điểm xuất hiện độ cao mực nước lớn, nước ròng, trị số độ cao sóng biển theo từng ngày, xu thế biến đổi của thủy triều và khả năng xuất hiện các hiện tượng hải văn nguy hiểm (nếu có) từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 10;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến 10 khu vực trên biển, riêng thủy triều mức độ chi tiết đến 06 khu vực biển giáp đất liền Việt Nam (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg) và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 02 bản tin trước: 04 giờ 30 và 15 giờ 30.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Hiện tượng thời tiết trên biển (mưa), trị số các yếu tố đặc trưng bao gồm: tầm nhìn xa, hướng và tốc độ gió, trạng thái mặt biển, thủy triều (độ cao và thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng), sóng biển (độ cao và hướng sóng), dòng chảy (vận tốc và hướng dòng chảy mặt) trong từng ngày từ ngày thứ 01 đến ngày thứ 03;

- Trị số và thời điểm xuất hiện độ cao mực nước lớn, nước ròng, trị số độ cao sóng biển theo từng ngày, xu thế biến đổi của thủy triều và khả năng xuất hiện các hiện tượng hải văn nguy hiểm (nếu có) từ ngày thứ 04 đến ngày thứ 10;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến vùng biển, ven biển, đảo, quần đảo thuộc khu vực quản lý và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi ngày ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00. Riêng Đài KTTV Trung Bộ mỗi ngày ban hành 03 bản tin cho 03 khu vực trước 16 giờ 00.

Điều 14. Dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn dài (tháng)

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến hải văn nổi bật trong tháng trước, dự báo trị số thủy triều (độ cao và thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng), trị số độ cao sóng biển theo từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng; xu thế biến đổi của thủy triều và cảnh báo khả năng xuất hiện triều cường và các hiện tượng hải văn nguy hiểm khác trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến 06 khu vực biển giáp đất liền Việt Nam (quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg) và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 12 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

2. Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Phân tích, đánh giá diễn biến hải văn nổi bật trong tháng trước, dự báo trị số thủy triều (độ cao và thời điểm xuất hiện nước lớn, nước ròng), trị số độ cao sóng biển theo từng khoảng thời gian 10 ngày trong thời hạn 01 tháng; xu thế biến đổi của thủy triều và cảnh báo khả năng xuất hiện triều cường và các hiện tượng hải văn nguy hiểm khác trong thời hạn 01 tháng;

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Mức độ chi tiết: đến vùng biển, ven biển, đảo, quần đảo thuộc khu vực quản lý và các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng. Riêng Đài KTTV Trung Bộ mỗi tháng ban hành 03 bản tin cho 03 khu vực trước 16 giờ 00 ngày 01 của tháng;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào thời điểm nêu trên.

Điều 15. Dự báo khí tượng thủy văn phục vụ nông nghiệp

1. Bản tin thời hạn vừa

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến tổng tích ôn và tổng tích ôn hữu hiệu, diễn biến tổng lượng bức xạ quang hợp, tổng lượng bốc hơi và cân bằng nước, tổng lượng mưa hữu hiệu; diễn biến mực nước, dòng chảy, ảnh hưởng của hồ chứa (nếu có) trong tuần qua (07 ngày);

- Dự báo trị số của các yếu tố (độ ẩm không khí, độ ẩm đất, tích ôn hữu hiệu, bốc hơi tiềm năng, mưa hữu hiệu, cân bằng nước, mức độ hạn) theo từng khoảng thời gian 03 ngày đầu và 04 ngày tiếp theo; các đặc trưng nguy hiểm về khí tượng thủy văn (nếu có) có khả năng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và những điểm lưu ý; nhận định cấp độ phù hợp của điều kiện khí tượng nông nghiệp đối với hoạt động sản xuất và những lưu ý theo vùng diễn biến của điều kiện thời tiết tương ứng với đối tượng nông nghiệp của khu vực;

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VIII của Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi tháng ban hành 04 bản tin trước 17 giờ 00 vào các ngày thứ 6 hằng tuần. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

2. Bản tin thời hạn dài

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Diễn biến điều kiện khí tượng nông nghiệp tháng đã qua (chi tiết theo các tuần) bao gồm: tổng tích hữu hiệu, tổng lượng bức xạ quang hợp, tổng lượng mưa hữu hiệu, mức độ hạn hán hoặc ẩm ướt; diễn biến tình hình thủy văn: diễn biến mực nước, dòng chảy, ảnh hưởng của hồ chứa (nếu có); diễn biến các đặc trưng nguy hiểm về khí tượng, thủy văn (nếu có) tác động đến sản xuất nông nghiệp, vùng ảnh hưởng; đặc điểm của sản xuất nông nghiệp trong tháng qua (tiến độ sản xuất).

- Dự báo trị số của các yếu tố (độ ẩm đất, tích ôn hữu hiệu, bốc hơi tiềm năng, mưa hữu hiệu, cân bằng nước, mức độ hạn) theo từng tuần trong thời hạn 01 tháng tại một địa điểm hoặc khu vực; nhận định những giai đoạn ảnh hưởng đến sản xuất (không hoặc ít phù hợp cần lưu ý);

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VIII của Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

Mỗi tháng ban hành 01 bản tin trước 17 giờ 00 ngày 01 của tháng. Trong trường hợp cần thiết, bổ sung bản tin xen kẽ giữa các bản tin chính.

3. Bản tin thời hạn mùa

a) Nội dung dự báo, cảnh báo

- Đánh giá diễn biến tình hình khí tượng thủy văn đến thời điểm hiện tại về mức độ phù hợp cho sản xuất nông nghiệp so với cùng kỳ năm trước; mức độ ảnh hưởng của các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan hoặc không phù hợp với sản xuất (nếu có); các đặc điểm sản xuất nông nghiệp trong mùa tiếp theo.

- Dự báo trị số của các yếu tố (tích ôn hữu hiệu, mưa hữu hiệu, mức độ hạn) và cảnh báo các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan theo từng tháng trong thời hạn 03 tháng;

- Mức độ chi tiết: đến các vị trí dự báo được quy định tại Phụ lục VIII Quyết định này.

b) Tần suất và thời gian ban hành bản tin

- Mỗi năm ban hành 06 bản tin trước 17 giờ 00 các ngày: 15 tháng 02, 15 tháng 4, 15 tháng 6, 15 tháng 8, 15 tháng 10 và 15 tháng 12;

- Trong trường hợp phát hiện có diễn biến bất thường cần bổ sung bản tin dự báo, cảnh báo ngoài bản tin ban hành vào các thời điểm nêu trên.

Điều 16. Thời gian và phương thức cung cấp bản tin dự báo, cảnh báo

1. Bản tin dự báo, cảnh báo KTTV được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Phụ lục IX Quyết định này trong thời gian chậm nhất là 15 phút kể từ thời điểm hoàn thành bản tin dự báo, cảnh báo gần nhất.

2. Cung cấp bản tin dự báo, cảnh báo KTTV qua hệ thống điện thoại, fax, thư điện tử, mạng nội bộ, cổng thông tin điện tử hoặc kênh phát thanh, truyền hình và các hệ thống liên lạc khác (nếu có).

Điều 17. Đặt tên bản tin dự báo, cảnh báo và hồ sơ dự báo

Bản tin dự báo, cảnh báo KTTV phải có Hồ sơ dự báo kèm theo và được đặt tên theo quy định tại Phụ lục X, Phụ lục XI Quyết định này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia hỗ trợ Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên; Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên hỗ trợ các Đài KTTV tỉnh về kỹ thuật chuyên môn, các sản phẩm dự báo, cảnh báo KTTV để thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo theo quy định.

2. Trung tâm Thông tin và Dữ liệu KTTV xây dựng hệ thống lưu trữ các loại bản tin dự báo, cảnh báo KTTV và Hồ sơ dự báo kèm theo, đảm bảo hệ thống lưu trữ các loại bản tin dự báo, cảnh báo KTTV hoạt động ổn định; tổ chức đánh giá bản tin dự báo, cảnh báo theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, các Đài KTTV tỉnh tổ chức đặt tên và lưu trữ các bản tin theo quy định và theo hướng dẫn của Trung tâm Thông tin và Dữ liệu KTTV.

4. Phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu KTTV có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị gửi báo cáo về Cục KTTV (qua Phòng Quản lý dự báo và thông tin, dữ liệu KTTV) để tổng hợp, trình Cục trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I

**DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỜI TIẾT
ĐIỂM DO TRUNG TÂM DỰ BÁO KTTV QUỐC GIA THỰC HIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
1	An Giang	Thành phố Long Xuyên
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Bà Rịa
3	Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu
4	Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn
5	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang
6	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh
7	Bến Tre	Thành phố Bến Tre
8	Bình Dương	Thành phố Thủ Dầu Một
9	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn
10	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài
11	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết
12	Cà Mau	Thành phố Cà Mau
13	Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
14	Cần Thơ	Quận Ninh Kiều
15	Đà Nẵng	Quận Hải Châu
16	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột
17	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa
18	Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa
19	Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
20	Điện Biên	Thành phố Điện Biên Phủ
21	Gia Lai	Thành phố Pleiku
22	Hà Giang	Thành phố Hà Giang
23	Hà Nam	Thành phố Phú Lý
24	Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm
25	Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
26	Hải Dương	Thành phố Hải Dương
27	Hải Phòng	Quận Hồng Bàng
28	Hòa Bình	Thành phố Hòa Bình
29	Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh
30	Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên
31	Hồ Chí Minh	Quận 1
32	Khánh Hòa	Thành phố Nha Trang
33	Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá
34	Kon Tum	Thành phố Kon Tum
35	Lai Châu	Thành phố Lai Châu
36	Lào Cai	Thành phố Lào Cai
37	Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn
38	Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt
39	Long An	Thành phố Tân An
40	Nam Định	Thành phố Nam Định
41	Nghệ An	Thành phố Vinh
42	Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
43	Ninh Thuận	TP. Phan Rang-Tháp Chàm
44	Phú Thọ	Thành phố Việt Trì
45	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa
46	Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới
47	Quảng Nam	Thành phố Tam Kỳ
48	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi
49	Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long
50	Quảng Trị	Thành phố Đông Hà
51	Sóc Trăng	Thành phố Sóc Trăng
52	Sơn La	Thành phố Sơn La
53	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh
54	Thái Bình	Thành phố Thái Bình

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
55	Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên
56	Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa
57	Huế	Quận Thuận Hóa
58	Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho
59	Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh
60	Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang
61	Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long
62	Vĩnh Phúc	Thành phố Vĩnh Yên
63	Yên Bái	Thành phố Yên Bái

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỜI TIẾT ĐIỂM ĐẾN 10 NGÀY DO ĐÀI KTTV BẮC BỘ, ĐÀI KTTV TRUNG BỘ, ĐÀI KTTV NAM BỘ VÀ TÂY NGUYÊN, ĐÀI KTTV TỈNH THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của Cục trưởng Cục KTTV)

1. Các điểm dự báo, cảnh báo do Đài KTTV Bắc Bộ phụ trách

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
ĐÀI KTTV TỈNH PHÚ THỌ		
1	Việt Trì	Thành phố Việt Trì
2	Minh Đài	Huyện Tân Sơn
3	Thanh Sơn	Huyện Thanh Sơn
4	Yên Lập	Huyện Yên Lập
5	Thanh Thủy	Huyện Thanh Thủy
6	Đoan Hùng	Huyện Đoan Hùng
7	Hạ Hòa	Huyện Hạ Hòa
8	Cẩm Khê	Huyện Cẩm Khê
9	Thanh Ba	Huyện Thanh Ba
10	Phú Hộ	Thị xã Phú Thọ
11	Phù Ninh	Huyện Phù Ninh
12	Tam Nông	Huyện Tam Nông
13	Lâm Thao	Huyện Lâm Thao
ĐÀI KTTV TỈNH LAI CHÂU		
1	Thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu
2	Mường Tè	Huyện Mường Tè
3	Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ
4	Than Uyên	Huyện Than Uyên
5	Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn
6	Tam Đường	Huyện Tam Đường
7	Tân Uyên	Huyện Tân Uyên
8	Phong Thổ	Huyện Phong Thổ
ĐÀI KTTV TỈNH ĐIỆN BIÊN		
1	Điện Biên	Thành phố Điện Biên Phủ
2	Mường Lay	Thị xã Mường Lay
3	Tuần Giáo	Huyện Tuần Giáo

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
4	Pha Đin	Huyện Tuần Giáo và vùng núi cao
5	Tủa Chùa	Huyện Tủa Chùa
6	Mường Ảng	Huyện Mường Ảng
7	Điện Biên Đông	Huyện Điện Biên Đông
8	Mường Chà	Huyện Mường Chà
9	Nậm Chua	Huyện Nậm Pồ
10	Mường Nhé	Huyện Mường Nhé
ĐÀI KTTV TỈNH SƠN LA		
1	Sơn La	Thành phố Sơn La
2	Thuận Châu	Huyện Thuận Châu
3	Phiêng Lanh	Huyện Quỳnh Nhai
4	Mường La	Huyện Mường La
5	Cò Nòi	Huyện Mai Sơn
6	Sông Mã	Huyện Sông Mã
7	Sốp Cộp	Huyện Sốp Cộp
8	Bắc Yên	Huyện Bắc Yên
9	Phù Yên	Huyện Phù Yên
10	Yên Châu	Huyện Yên Châu
11	Mộc Châu	Huyện Mộc Châu
12	Vân Hồ	Huyện Vân Hồ
ĐÀI KTTV TỈNH HÀ GIANG		
1	Bắc Mê	Huyện Bắc Mê
2	Bắc Quang	Huyện Bắc Quang
3	Đồng Văn	Huyện Đồng Văn
4	Hoàng Su Phì	Huyện Hoàng Su Phì
5	Mèo Vạc	Huyện Mèo Vạc
6	Quản Bạ	Huyện Quản Bạ
7	Quang Bình	Huyện Quang Bình
8	Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên
9	Xín Mần	Huyện Xín Mần
10	Yên Minh	Huyện Yên Minh
11	Hà Giang	Thành phố Hà Giang
ĐÀI KTTV TỈNH TUYÊN QUANG		
1	Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
2	Na Hang	Huyện Na Hang
3	Chiêm Hoá	Huyện Chiêm Hoá
4	Hàm Yên	Huyện Hàm Yên
5	Yên Sơn	Huyện Yên Sơn
6	Sơn Dương	Huyện Sơn Dương
7	Lâm Bình	Huyện Lâm Bình
ĐÀI KTTV TỈNH LÀO CAI		
1	Lào Cai	Thành phố Lào Cai
2	Bắc Hà	Huyện Bắc Hà
3	Bảo Thắng	Huyện Bảo Thắng
4	Bảo Yên	Huyện Bảo Yên
5	Bát Xát	Huyện Bát Xát
6	Mường Khương	Huyện Mường Khương
7	Sa Pa	Thị xã Sa Pa
8	Si Ma Cai	Huyện Si Ma Cai
9	Văn Bàn	Huyện Văn Bàn
ĐÀI KTTV TỈNH YÊN BÁI		
1	Yên Bái	Thành phố Yên Bái
2	Nghĩa Lộ	Thị xã Nghĩa Lộ
3	Văn Yên	Huyện Văn Yên
4	Yên Bình	Huyện Yên Bình
5	Mù Cang Chải	Huyện Mường Chải
6	Văn Chấn	Huyện Văn Chấn
7	Trần Yên	Huyện Trần Yên
8	Trạm Tấu	Huyện Trạm Tấu
9	Lục Yên	Huyện Lục Yên
ĐÀI KTTV TỈNH BẮC KẠN		
1	Bắc Kạn	Thị xã Bắc Kạn
2	Chợ Đồn	Huyện Chợ Đồn
3	Bạch Thông	Huyện Bạch Thông
4	Na Rì	Huyện Na Rì
5	Ngân Sơn	Huyện Ngân Sơn
6	Ba Bể	Huyện Ba Bể
7	Chợ Mới	Huyện Chợ Mới
8	Pác Nặm	Huyện Pác Nặm
ĐÀI KTTV TỈNH CAO BẰNG		
1	Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng
2	Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh
3	Nguyên Bình	Huyện Nguyên bình
4	Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc
5	Hà Quảng	Huyện Hà Quảng
6	Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
7	Hạ Lang	Huyện Hạ Lang
8	Hòa An	Huyện Hòa An
9	Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa
10	Thạch An	Huyện Thạch An
ĐÀI KTTV TỈNH LẠNG SƠN		
1	Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn
2	Thất Khê	Huyện Tràng Định
3	Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
4	Đình Lập	Huyện Đình Lập
5	Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn
6	Cao Lộc	Huyện Cao Lộc
7	Bình Gia	Huyện Bình Gia
8	Chi Lăng	Huyện Chi Lăng
9	Lộc Bình	Huyện Lộc Bình
10	Văn Lãng	Huyện Văn Lãng
11	Văn Quan	Huyện Văn Quan
PHÒNG DỰ BÁO		
1	Phúc Thọ	Huyện Phúc Thọ
2	Mỹ Đức	Huyện Mỹ Đức
3	Phú Xuyên	Huyện Phú Xuyên
4	Quốc Oai	Huyện Quốc Oai
5	Ba Vì	Huyện Ba Vì
6	Sơn Tây	Thị xã Sơn Tây
7	Sóc Sơn	Huyện Sóc Sơn
8	Đông Anh	Huyện Đông Anh
9	Hoài Đức	Huyện Hoài Đức
10	Đan Phượng	Huyện Đan Phượng
11	Cầu Diễn	Quận Bắc Từ Liêm
12	Tây Hồ	Quận Tây Hồ
13	Hoàn Kiếm	Quận Hoàn Kiếm
14	Láng	Quận Đống Đa
15	Hà Đông	Quận Hà Đông
ĐÀI KTTV TỈNH HÒA BÌNH		
1	Hòa Bình	Thành phố Hòa Bình
2	Kim Bôi	Huyện Kim Bôi
3	Chi Nê	Huyện Lạc Thủy
4	Mai Châu	Huyện Mai Châu
5	Lạc Sơn	Huyện Lạc Sơn
6	Yên Thủy	Huyện Yên Thủy
7	Lương Sơn	Huyện Lương Sơn
8	Cao Phong	Huyện Cao Phong
9	Đà Bắc	Huyện Đà Bắc

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
10	Mường Khén	Huyện Tân Lạc
ĐÀI KTTV TỈNH THÁI NGUYÊN		
1	Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên
2	Sông Công	Thị xã Sông Công
3	Định Hoá	Huyện Định Hoá
4	Phú Lương	Huyện Phú Lương
5	Võ Nhai	Huyện Võ Nhai
6	Đại Từ	Huyện Đại Từ
7	Đồng Hỷ	Huyện Đồng Hỷ
8	Phú Bình	Huyện Phú Bình
9	Phổ Yên	Huyện Phổ Yên
ĐÀI KTTV TỈNH VĨNH PHÚC		
1	Vĩnh Yên	Thành phố Vĩnh Yên
2	Tam Dương	Huyện Tam Dương
3	Lập Thạch	Huyện Lập Thạch
4	Sông Lô	Huyện Sông Lô
5	Vĩnh Tường	Huyện Vĩnh Tường
6	Yên Lạc	Huyện Yên Lạc
7	Bình Xuyên	Huyện Bình Xuyên
8	Phúc Yên	Thị xã Phúc Yên
9	Tam Đảo	Huyện Tam Đảo
ĐÀI KTTV TỈNH BẮC GIANG		
1	Sơn Động	Huyện Sơn Động
2	Lục Ngạn	Huyện Lục Ngạn
3	Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa
4	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang
5	Lục Nam	Huyện Lục Nam
6	Lạng Giang	Huyện Lạng Giang
7	Tân Yên	Huyện Tân Yên
8	Việt Yên	Huyện Việt Yên
9	Yên Dũng	Huyện Yên Dũng
10	Yên Thế	Huyện Yên Thế
ĐÀI KTTV TỈNH BẮC NINH		
1	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh
2	Yên Phong	Huyện Yên Phong
3	Gia Bình	Huyện Gia Bình
4	Quế Võ	Huyện Quế Võ
5	Lương Tài	Huyện Lương Tài
6	Thuận Thành	Huyện Thuận Thành
7	Tiên Du	Huyện Tiên Du
8	Từ Sơn	Thị xã Từ Sơn

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
ĐÀI KTTV TỈNH QUẢNG NINH		
1	Móng Cái	Thành phố Móng Cái
2	Cẩm Phả	Thành phố Cẩm Phả
3	Bãi Cháy	Thành phố Hạ Long
4	Uông Bí	Thành phố Uông Bí
5	Cô Tô	Huyện Cô Tô
6	Bình Liêu	Huyện Bình Liêu
7	Đầm Hà	Huyện Đầm Hà
8	Hải Hà	Huyện Hải Hà
9	Tiên Yên	Huyện Tiên Yên
10	Ba Chẽ	Huyện Ba Chẽ
11	Quảng Yên	Thị xã Quảng Yên
12	Vân Đồn	Huyện Vân Đồn
13	Đông Triều	Thị xã Đông Triều
ĐÀI KTTV THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG		
1	Bạch Long Vỹ	Huyện Bạch Long Vỹ
2	Thủy Nguyên	Huyện Thủy Nguyên
3	Đồ Sơn	Quận Đồ Sơn
4	Lê Chân	Quận Lê Chân
5	Kiến An	Quận Kiến An
6	Dương Kinh	Quận Dương Kinh
7	Hồng Bàng	Quận Hồng Bàng
8	Ngô Quyền	Quận Ngô Quyền
9	Hải An	Quận Hải An
10	An Dương	Huyện An Dương
11	Tiên Lãng	Huyện Tiên Lãng
12	An Lão	Huyện An Lão
13	Cát Hải	Huyện Cát Hải
14	Kiến Thụy	Huyện Kiến Thụy
15	Vĩnh Bảo	Huyện Vĩnh Bảo
ĐÀI KTTV TỈNH HẢI DƯƠNG		
1	Hải Dương	Thành phố Hải Dương
2	Chí Linh	Thị xã Chí Linh
3	Thanh Hà	Huyện Thanh Hà
4	Kim Thành	Huyện Kim Thành
5	Ninh Giang	Huyện Ninh Giang
6	Cầm Giàng	Huyện Cầm Giàng
ĐÀI KTTV TỈNH THÁI BÌNH		
1	Thái Bình	Thành phố Thái Bình
2	Hưng Hà	Huyện Hưng Hà
3	Đông Hưng	Huyện Đông Hưng
4	Quỳnh Côi	Huyện Quỳnh Phụ

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
5	Diêm Điền	Huyện Thái Thụy
6	Vũ Thư	Huyện Vũ Thư
7	Thanh Nê	Huyện Kiến Xương
8	Tiền Hải	Huyện Tiền Hải
ĐÀI KTTV TỈNH NAM ĐỊNH		
1	Nam Định	Thành phố Nam Định
2	Văn Lý	Huyện Hải Hậu
3	Lâm	Huyện Ý Yên
4	Gôi	Huyện Vụ Bản
5	Cổ Lễ	Huyện Trực Ninh
6	Liễn Đề	Huyện Nghĩa Hưng
7	Yên Định	Huyện Hải Hậu
8	Xuân Trường	Huyện Xuân Trường
9	Ngô Đồng	Huyện Giao Thủy
ĐÀI KTTV TỈNH NINH BÌNH		
1	Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình
2	Nho Quan	Nho Quan
3	Cúc Phương	Cúc Phương
4	Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp
5	Phát Diệm	Huyện Kim Sơn
6	Yên Thịnh	Huyện Yên Mô
7	Yên Ninh	Huyện Yên Khánh
8	Thiên Tôn	Huyện Hoa Lư
9	Me	Huyện Gia Viễn
ĐÀI KTTV TỈNH HÀ NAM		
1	Phủ Lý	Thành phố Phủ Lý
2	Hòa Mạc	Huyện Duy Tiên
3	Ba Sao	Huyện Kim Bảng
4	Bình Mỹ	Huyện Bình Lục
5	Nhân Khang	Huyện Lý Nhân
6	Non	Huyện Thanh Liêm
ĐÀI KTTV TỈNH HƯNG YÊN		
1	Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên
2	Vương	Huyện Tiên Lữ
3	Trần Cao	Huyện Phù Cừ
4	Ân Thi	Huyện Ân Thi
5	Lương Bằng	Huyện Kim Đông
6	Khoái Châu	Huyện Khoái Châu
7	Văn Giang	Huyện Văn Giang
8	Yên Mỹ	Huyện Yên Mỹ
9	Như Quỳnh	Huyện Văn Lâm
10	Bản	Huyện Mỹ Hào

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
ĐÀI KTTV TỈNH THANH HÓA		
1	Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa
2	Sầm Sơn	Thành phố Sầm Sơn
3	Bỉm Sơn	Thị xã Bỉm Sơn
4	Đông Sơn	Huyện Đông Sơn
5	Quảng Xương	Huyện Quảng Xương
6	Hoảng Hóa	Huyện Hoảng Hóa
7	Hậu Lộc	Huyện Hậu Lộc
8	Hà Trung	Huyện Hà Trung
9	Nga Sơn	Huyện Nga Sơn
10	Thiệu Hóa	Huyện Thiệu Hóa
11	Triệu Sơn	Huyện Triệu Sơn
12	Yên Định	Huyện Yên Định
13	Thị xã Nghi Sơn	Huyện Tĩnh Gia
14	Nông Cống	Huyện Nông Cống
15	Ngọc Lặc	Huyện Ngọc Lặc
16	Cẩm Thủy	Thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy
17	Thạch Thành	Huyện Thạch Thành
18	Vĩnh Lộc	Huyện Vĩnh Lộc
19	Thọ Xuân	Huyện Thọ Xuân
20	Như Thanh	Huyện Như Thanh
21	Như Xuân	Huyện Như Xuân
22	Thường Xuân	Huyện Thường Xuân
23	Lang Chánh	Huyện Lang Chánh
24	Bá Thước	Huyện Bá Thước
25	Quan Hóa	Huyện Quan Hóa
26	Quan Sơn	Huyện Quan Sơn
27	Mường Lát	Huyện Mường Lát

2. Các điểm dự báo, cảnh báo do Đài KTTV Trung Bộ phụ trách

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
ĐÀI KTTV TỈNH NGHỆ AN		
1	Vinh	Thành phố Vinh
2	Thái Hòa	Thị xã Thái Hòa
3	Anh Sơn	Huyện Anh Sơn
4	Diễn Châu	Huyện Diễn Châu
5	Quỳnh Lưu	Huyện Quỳnh Lưu
6	Con Cuông	Huyện Con Cuông
7	Hưng Nguyên	Huyện Hưng Nguyên
8	Nghi Lộc	Huyện Nghi Lộc
9	Quế Phong	Huyện Quế Phong
10	Quỳ Hợp	Huyện Quỳ Hợp

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
11	Thanh Chương	Huyện Thanh Chương
12	Yên Thành	Huyện Yên Thành
13	Nam Đàn	Huyện Nam Đàn
14	Đô Lương	Huyện Đô Lương
15	Kỳ Sơn	Huyện Kỳ Sơn
16	Nghĩa Đàn	Huyện Nghĩa Đàn
17	Quỳ Châu	Huyện Quỳ Châu
18	Tân Kỳ	Huyện Tân Kỳ
19	Tương Dương	Huyện Tương Dương
20	Hoàng Mai	Thị xã Hoàng Mai
ĐÀI KTTV TỈNH HÀ TĨNH		
1	Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh
2	Hồng Lĩnh	Thị Xã Hồng Lĩnh
3	Can Lộc	Huyện Can Lộc
4	Thạch Hà	Huyện Thạch Hà
5	Vũ Quang	Huyện Vũ Quang
6	Nghi Xuân	Huyện Nghi Xuân
7	Đức Thọ	Huyện Đức Thọ
8	Hương Sơn	Huyện Hương Sơn
9	Hương Khê	Huyện Hương Khê
10	Cẩm Xuyên	Huyện Cẩm Xuyên
11	Kỳ Anh	Huyện Kỳ Anh
12	Thị xã Kỳ Anh	Thị xã Kỳ Anh
PHÒNG DỰ BÁO		
1	Hải Châu	Quận Hải Châu
2	Cẩm Lệ	Quận Cẩm Lệ
3	Sơn Trà	Quận Sơn Trà
4	Hòa Khánh	Quận Liên Chiểu
5	Ngũ Hành Sơn	Quận Ngũ Hành Sơn
6	Túy Loan	Huyện Hòa Vang
7	Hòa Bắc	Huyện Hòa Vang
8	Hoàng Sa	Huyện đảo Hoàng Sa
ĐÀI KTTV TỈNH QUẢNG BÌNH		
1	Đồng Lê	Huyện Tuyên Hóa
2	Quy Đạt	Huyện Minh Hóa
3	Ba Đồn	Thị xã Ba Đồn
4	Phong Nha	Huyện Bố Trạch
5	Hoàn Lão	Huyện Bố Trạch
6	Đồng Hới	Thành phố Đồng Hới
7	Quán Hàu	Huyện Quảng Ninh
8	Kiến Giang	Huyện Lệ Thủy

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
ĐÀI KTTV TỈNH QUẢNG TRỊ		
1	Đông Hà	Thành phố Đông Hà
2	Thị xã Quảng Trị	Thị xã Quảng Trị
3	Khe Sanh	Huyện Hướng Hóa
4	Cồn Cỏ	Huyện đảo Cồn Cỏ
5	Hồ Xá	Huyện Vĩnh Linh
6	Cửa Việt	Huyện Gio Linh
7	Hải Lăng	Huyện Hải Lăng
8	Cam Lộ	Huyện Cam Lộ
9	Ái Tử	Huyện Triệu Phong
10	Đakrông	Huyện Đakrông
11	Gio Linh	Huyện Gio Linh
ĐÀI KTTV THÀNH PHỐ HUẾ		
1	Huế	Quận Thuận Hóa
2	Tứ Hạ	Thị xã Hương Trà
3	Phong Điền	Huyện Phong Điền
4	Phú Bài	Thị xã Hương Thủy
5	Lăng Cô	Huyện Phú Lộc
6	Phú Lộc	Huyện Phú Lộc
7	Thuận An	Huyện Phú Vang
8	A Lưới	Huyện A Lưới
9	Khe Tre	Huyện Nam Đông
10	Sịa	Huyện Quảng Điền
11	Phú Đa	Huyện Phú Vang
ĐÀI KTTV TỈNH QUẢNG NAM		
1	Tam Kỳ	Thành phố Tam Kỳ
2	Hội An	Thành phố Hội An
3	Vĩnh Điện	Thị xã Điện Bàn
4	Núi Thành	Huyện Núi Thành
5	Trà My	Huyện Bắc Trà My
6	Thạnh Mỹ	Huyện Nam Giang
7	Prao	Huyện Đông Giang
ĐÀI KTTV TỈNH QUẢNG NGÃI		
1	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi
2	Ba Tơ	Huyện Ba Tơ
3	Đức Phổ	Huyện Đức Phổ
4	Châu Ổ	Huyện Bình Sơn
5	Lý Sơn	Huyện Lý Sơn
ĐÀI KTTV TỈNH KHÁNH HÒA		
1	Vạn Giã	Huyện Vạn Ninh
2	Ninh Hòa	Thị xã Ninh Hòa
3	Diên Khánh	Diên Khánh

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
4	Nha Trang	Thành phố Nha Trang
5	Khánh Vĩnh	Huyện Khánh Vĩnh
6	Tô Hạp	Huyện Khánh Sơn
7	Cam Ranh	Thành phố Cam Ranh
8	Cam Lâm	Huyện Cam Lâm
9	Trường Sa	Huyện đảo Trường Sa
10	Vân Phong	Vịnh Vân Phong
11	Song Tử Tây	Huyện đảo Trường Sa
ĐÀI KTTV TỈNH BÌNH ĐỊNH		
1	An Lão	Huyện An Lão
2	Hoài Ân	Huyện Hoài Ân
3	Hoài Nhơn	Thị xã Hoài Nhơn
4	Phù Mỹ	Huyện Phù Mỹ
5	Phù Cát	Huyện Phù Cát
6	An Nhơn	Thị xã An Nhơn
7	Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh
8	Tây Sơn	Huyện Tây Sơn
9	Vân Canh	Huyện Vân Canh
10	Tuy Phước	Huyện Tuy Phước
11	Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn
ĐÀI KTTV TỈNH PHÚ YÊN		
1	Tuy Hòa	Thành phố Tuy Hòa
2	Sơn Hòa	Huyện Sơn Hòa
3	Sông Hinh	Huyện Sông Hinh
4	Tây Hòa	Huyện Tây Hòa
5	Phú Hòa	Huyện Phú Hòa
6	Đông Hòa	Thị xã Đông Hòa
7	Tuy An	Huyện Tuy An
8	Đồng Xuân	Huyện Đồng Xuân
9	Sông Cầu	Thị xã Sông Cầu
ĐÀI KTTV TỈNH NINH THUẬN		
1	Bác Ái	Huyện Bác Ái
2	Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn
3	Thuận Nam	Huyện Thuận Nam
4	Ninh Phước	Ninh Phước
5	Phan Rang	Thành phố Phan Rang
6	Ninh Hải	Huyện Ninh Hải
7	Thuận Bắc	Huyện Thuận Bắc
ĐÀI KTTV TỈNH BÌNH THUẬN		
1	Liên Hương	Huyện Tuy Phong
2	Chợ Lầu	Huyện Bắc Bình
3	Ma Lâm	Huyện Hàm Thuận Bắc

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
4	Phan Thiết	Thành phố Phan Thiết
5	Thuận Nam	Huyện Hàm Thuận Nam
6	Tân Nghĩa	Huyện Hàm Tân
7	La Gi	Thị xã La Gi
8	Lạc Tánh	Huyện Tánh Linh
9	Võ Xu	Huyện Đức Linh
10	Phú Quý	Huyện Phú Quý

3. Các điểm dự báo, cảnh báo do Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên phụ trách

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
ĐÀI KTTV TỈNH GIA LAI		
1	Pleiku	Thành phố Pleiku
2	Yaly	Huyện Chư Pảh
3	Iakha	Huyện Ia Grai
4	Đắk Đoa	Huyện Đắk Đoa
5	Kon Dong	Huyện Mang Yang
6	KBang	Huyện KBang
7	An Khê	Thị xã An Khê
8	Đắk Pơ	Huyện Đắk Pơ
9	Chư Ty	Huyện Đức Cơ
10	Chư Prông	Huyện Chư Prông
11	Chư Sê	Huyện Chư Sê
12	Nhơn Hòa	Huyện Chư Pờh
13	Phú Thiện	Huyện Phú Thiện
14	Kim Tân	Huyện IaPa
15	Ayunpa	Thị xã Ayunpa
16	Konchro	Huyện Kon Chro
17	Krôngpa	Huyện Krông pa
ĐÀI KTTV TỈNH KON TUM		
1	Kon Tum	Thành phố Kon Tum
2	Sa Thầy	Huyện Sa Thầy
3	Kon Rẫy	Huyện Kon Rẫy
4	Măng Đen	Huyện KonPlong
5	Đắk Hà	Huyện Đắk Hà
6	Đắk Tô	Huyện Đắk Tô
7	Tu Mơ Rông	Huyện Tu Mơ Rông
8	Plei Kân	Huyện Ngọc Hồi
9	Đắk Pet	Huyện Đắk Lei
10	IaH'Drai	Huyện IaH' Drai
ĐÀI KTTV TỈNH ĐẮK LẮK		
1	Buôn Ma Thuột	Thành phố Buôn Ma thuột

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
2	Buôn Hồ	Thị xã Buôn Hồ
3	M'Đrăk	Huyện M'Đrăk
4	Liên Sơn	Huyện Lắk
5	Ea Súp	Huyện Ea Súp
6	Ea Drăng	Huyện EaHleo
7	Krông Buk	Huyện Krong Pak
8	Phước An	Huyện Krong Pak
9	KrôngKma	Huyện Krông Bông
10	Dray Bhang	Huyện Cư Kuin
11	Giang Sơn	Huyện Cư Kuin
12	Quảng Phú	Huyện Cùmgar
13	Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn
14	Buôn Tráp	Huyện Krông Ana
15	Ea Knốp	Huyện Eakar
16	Ea Kar	Huyện Eakar
17	Krông Năng	Huyện Krông Năng
ĐÀI KTTV TỈNH ĐẮK NÔNG		
1	Ea Tling	Huyện Cư Jut
2	Đăk Drong	Huyện Cư Jut
3	Đăk Mâm	Huyện Krông Nô
4	Đức Xuyên	Huyện Krông Nô
5	Đăk MiL	Huyện Đăk MiL
6	Đăk Găn	Huyện Đăk MiL
7	Nâm Njang	Huyện Đăk Song
8	Đăk Mol	Huyện Đăk Song
9	Gia Nghĩa	Thành phố Gia Nghĩa
10	Quảng Khê	Huyện Đăk Glong
11	Đăk Rmăng	Huyện Đăk Glong
12	Kiên Đức	Huyện Đăk Rlap
13	Nhân Cơ	Huyện Đăk Rlap
14	Đăk Búh So	Huyện Tuy Đức
15	Đăk Ngo	Huyện Tuy Đức
ĐÀI KTTV TỈNH LÂM ĐỒNG		
1	Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt
2	Liên Khương	Huyện Đức Trọng
3	Bảo Lộc	Thành phố Bảo Lộc
4	Cát Tiên	Huyện Cát Tiên
5	Đam Rông	Huyện Đam Rông
6	Đa Sar	Huyện Lạc Dương
7	Phú Sơn	Huyện Lâm Hà
8	Thanh Bình	Huyện Đức Trọng
9	Gia Bắc	Huyện Di Linh

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
10	Lộc Bảo	Huyện Bảo Lâm
11	Đại Nga	Huyện Bảo Lâm
12	Quảng Trị	Huyện Đa Têh
PHÒNG DỰ BÁO		
1	Quận 1, 3, 4, 10, PN	Quận 1, 3, 4, 10, PN
2	Quận 5, 6, 8, 11	Quận 5, 6, 8, 11
3	Bình Thạnh	Quận Bình Thạnh
4	Quận 7	Quận 7
5	Tân Bình, Tân Phú	Quận Tân Bình, Tân Phú
6	Gò Vấp	Quận Gò Vấp
7	Bình Tân	Quận Bình Tân
8	Quận 12	Quận Quận 12
9	Hóc Môn	Huyện Hóc Môn
10	Củ Chi	Huyện Củ Chi
11	Bình Chánh	Huyện Bình Chánh
12	Nhà Bè	Huyện Nhà Bè
13	Cần Giờ	Huyện Cần Giờ
14	Thủ Đức	Thành phố Thủ Đức
ĐÀI KTTV TỈNH BÌNH PHƯỚC		
1	Đồng Xoài	Thị xã Đồng Xoài
2	Phước Long	Thị xã Phước Long
3	Bình Long	Thị xã Bình Long
4	Bù Đăng	Huyện Bù Đăng
5	Bù Đốp	Huyện Bù Đốp
6	Bù Gia Mập	Huyện Bù Gia Mập
7	Chơn Thành	Huyện Chơn Thành
8	Đồng Phú	Huyện Đồng Phú
9	Lộc Ninh	Huyện Lộc Ninh
10	Hớn Quản	Huyện Hớn Quản
11	Phú Riềng	Huyện Phú Riềng
ĐÀI KTTV TỈNH BÌNH DƯƠNG		
1	Thủ Dầu Một	Thành phố Thủ Dầu Một
2	Thuận An	Thành phố Thuận An
3	Dĩ An	Thành phố Dĩ An
4	Dầu Tiếng	Thị trấn Dầu Tiếng
5	Phước Vĩnh	Thị trấn Phước Vĩnh
6	Tân Thành	Thị xã Tân Uyên
7	Thạnh Phước	Huyện Nam Tân Uyên
8	Bến Cát	Thị xã Bến Cát
9	Bàu Bàng	Thị trấn Bàu Bàng
ĐÀI KTTV TỈNH TÂY NINH		
1	Tân Biên	Huyện Tân Biên

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
2	Tân Châu	Huyện Tân Châu
3	Dương Minh Châu	Huyện Dương Minh Châu
4	Trảng Bàng	Thị xã Trảng Bàng
5	Gò Dầu	Huyện Gò Dầu
6	Bến Cầu	Huyện Bến Cầu
7	Hòa Thành	Thị xã Hòa Thành
8	Châu Thành	Huyện Châu Thành
9	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh
ĐÀI KTTV TỈNH ĐỒNG NAI		
1	Tà Lài	Huyện Tân Phú
2	La Ngà	Huyện Định Quán
3	Vĩnh Cửu	Huyện Vĩnh Cửu
4	Biên Hòa	Thành phố Biên Hòa
5	Trảng Bom	Huyện Trảng Bom
6	Thống Nhất	Huyện Thống Nhất
7	Long Khánh	Thành phố Long Khánh
8	Xuân Lộc	Huyện Xuân Lộc
9	Cẩm Mỹ	Huyện Cẩm Mỹ
10	Long Thành	Huyện Long Thành
11	Nhơn Trạch	Huyện Nhơn Trạch
ĐÀI KTTV TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU		
1	Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu
2	Bà Rịa	Thành phố Bà Rịa
3	Long Đất	Huyện Long Đất
4	Xuyên Mộc	Huyện Xuyên Mộc
5	Châu Đức	Huyện Châu Đức
6	Phú Mỹ	Thành phố Phú Mỹ
7	Côn Đảo	Huyện Côn Đảo
ĐÀI KTTV TỈNH LONG AN		
1	Tân An	Thành phố Tân An
2	Mộc Hóa	Thị xã Kiến Tường
3	Tân Trụ	Huyện Tân Trụ
4	Cần Đước	Huyện Cần Đước
5	Đức Hòa	Huyện Đức Hòa
ĐÀI KTTV TỈNH TIỀN GIANG		
1	Hậu Mỹ Bắc	Huyện Cái Bè
2	Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy
3	Mỹ Phước	Huyện Tân Phước
4	Châu Thành	Huyện Châu Thành
5	Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho
6	Gò Công	Huyện Gò Công

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
7	Phú Thạnh	Huyện Tân Phú Đông
ĐÀI KTTV TỈNH BẾN TRE		
1	Bến Tre	Thành phố Bến tre
2	Châu Thành	Huyện Châu Thành
3	Giồng Trôm	Huyện Giồng Trôm
4	Mỏ Cày Bắc	Huyện Mỏ Cày Bắc
5	Mỏ Cày Nam	Huyện Mỏ Cày Nam
6	Chợ Lách	Huyện Chợ Lách
7	Ba Tri	Huyện Ba Tri
8	Bình Đại	Huyện Bình Đại
9	Thạnh Phú	Huyện Thạnh Phú
ĐÀI KTTV TỈNH VĨNH LONG		
1	Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long
2	Trà Ôn	Huyện Trà Ôn
3	Chánh Hội	Huyện Mang Thít
4	Vũng Liêm	Huyện Vũng Liêm
5	Cái Vồn	Thị xã Bình Minh
ĐÀI KTTV TỈNH TRÀ VINH		
1	Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh
2	Bến Giá	Thị xã Duyên Hải
3	Trà Cú	Huyện Trà Cú
4	Tiểu Cần	Huyện Tiểu Cần
5	Càng Long	Huyện Càng Long
ĐÀI KTTV TỈNH SÓC TRĂNG		
1	Sóc Trăng	Thành phố Sóc Trăng
2	Kế Sách	Huyện Kế Sách
3	Châu Thành	Huyện Châu Thành
4	Mỹ Tú	Huyện Mỹ Tú
5	Ngã Năm	Thị Xã Ngã Năm
6	Thạnh Trị	Huyện Thạnh Trị
7	Mỹ Xuyên	Huyện Mỹ Xuyên
8	Vĩnh Châu	Thị Xã Vĩnh Châu
9	Trần Đề	Huyện Trần Đề
10	Long Phú	Huyện Long Phú
11	Cù Lao Dung	Huyện Cù Lao Dung
ĐÀI KTTV TỈNH HẬU GIANG		
1	Vị Thanh	Thành phố Vị Thanh
2	Phụng Hiệp	Thị xã Phụng Hiệp
3	Châu Thành A	Huyện Châu Thành A
4	Long Mỹ	Thị xã Long Mỹ
5	Nàng Mau	Huyện Vị Thuỷ

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
ĐÀI KTTV TỈNH CẦN THƠ		
1	Ninh Kiều	Quận Ninh Kiều
2	Bình Thủy	Quận Bình Thủy
3	Ô Môn	Quận Ô Môn
4	Thốt Nốt	Quận Thốt Nốt
5	Vĩnh Thạnh	Huyện Vĩnh Thạnh
6	Cờ Đỏ	Huyện Cờ Đỏ
ĐÀI KTTV TỈNH ĐỒNG THÁP		
1	Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
2	Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
3	Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự
4	Trường Xuân	Huyện Tháp Mười
ĐÀI KTTV TỈNH AN GIANG		
1	Châu Đốc	Thành phố Châu Đốc
2	Long Xuyên	Thành phố Long Xuyên
3	Tân Châu	Thị xã Tân Châu
4	Tri Tôn	Huyện Tri Tôn
5	Tịnh Biên	Huyện Tịnh Biên
6	An Phú	Huyện An Phú
7	Phú Tân	Huyện Phú Tân
8	Châu Phú	Huyện Châu Phú
9	Chợ Mới	Huyện Chợ Mới
10	Châu Thành	Huyện Châu Thành
11	Thoại Sơn	Huyện Thoại Sơn
ĐÀI KTTV TỈNH KIÊN GIANG		
1	Kiên Lương	Huyện Kiên Lương
2	Giang Thành	Huyện Giang Thành
3	Hòn Đất	Huyện Hòn Đất
4	Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên
5	Châu Thành	Huyện Châu Thành
6	Rạch Giá	Thành phố Rạch Giá
7	Tân Hiệp	Huyện Tân Hiệp
8	Giồng Riềng	Huyện Giồng Riềng
9	Gò Quao	Huyện Gò Quao
10	An Minh	Huyện An Minh
11	An Biên	Huyện An Biên
12	Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc
13	Vĩnh Thuận	Huyện Vĩnh Thuận
14	U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng
15	Kiên Hải	Huyện Kiên Hải
ĐÀI KTTV TỈNH BẠC LIÊU		
1	Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu

TT	Điểm dự báo	Khu vực hành chính
2	Vĩnh Lợi	Huyện Vĩnh Lợi
3	Phước Long	Huyện Phước Long
4	Giá Rai	Huyện Giá Rai
5	Đông Hải	Huyện Đông Hải
6	Hồng Dân	Huyện Hồng Dân
7	Hòa Bình	Huyện Hòa Bình
ĐÀI KTTV TỈNH CÀ MAU		
1	Cà Mau	Thành phố Cà Mau
2	Đầm Dơi	Huyện Đầm Dơi
3	Ngọc Hiển	Huyện Ngọc Hiển
4	Năm Căn	Huyện Năm Căn
5	Cái Nước	Huyện Cái Nước
6	Phú Tân	Huyện Phú Tân
7	Trần Văn Thời	Huyện Trần Văn Thời
8	U Minh	Huyện U Minh
9	Thới Bình	Huyện Thới Bình

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO THỦY VĂN
DO TRUNG TÂM DỰ BÁO KTTV QUỐC GIA THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Bản tin dự báo	Tỉnh/Thành phố	Sông	Trạm thủy văn	Thời hạn dự báo
1	Khu vực vùng núi phía bắc	Yên Bái	Thao	Yên Bái	24 giờ
2		Phú Thọ		Phú Thọ	24 giờ
3		Tuyên Quang	Lô	Tuyên Quang	24 giờ
4		Phú Thọ		Vụ Quang	24 giờ
5	Khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ	Hòa Bình	Đà	Hồ Hòa Bình	24 giờ
6		Hà Nội	Hồng	Hà Nội	48 giờ
7		Ninh Bình	Hoàng Long	Bến Để	24 giờ, ảnh hưởng triều
8		Bắc Ninh	Cầu	Đáp Cầu	24 giờ, ảnh hưởng triều
9		Bắc Giang	Thương	Phủ Lạng Thương	24 giờ, ảnh hưởng triều
10			Lục Nam	Lục Nam	24 giờ, ảnh hưởng triều
11		Hải Dương	Thái Bình	Phả Lại	36 giờ, ảnh hưởng triều
12	Khu vực bắc Trung Bộ	Thanh Hóa	Mã	Giàng	36 giờ, ảnh hưởng triều
13		Nghệ An	Cả	Nam Đàn	36 giờ
14		Hà Tĩnh	La	Linh Cảm	24 giờ, ảnh hưởng triều
15	Khu vực trung Trung Bộ	Quảng Bình	Gianh	Mai Hóa	24 giờ, ảnh hưởng triều
16		Thừa Thiên Huế	Hương	Kim Long	24 giờ, ảnh hưởng triều
17		Quảng Nam	Thu Bồn	Câu Lâu	24 giờ, ảnh hưởng triều
18		Quảng Ngãi	Trà Khúc	Trà Khúc	24 giờ, ảnh hưởng triều
19	Khu vực nam Trung Bộ	Bình Định	Kôn	Thạnh Hòa	24 giờ
20		Phú Yên	Ba	Phú Lâm	24 giờ, ảnh hưởng triều

TT	Bản tin dự báo	Tỉnh/Thành phố	Sông	Trạm thủy văn	Thời hạn dự báo
21	Khu vực Tây Nguyên	Kon Tum	Đăk Bla	Kon Tum	24 giờ
22		Đăk Lăk	Krông Ana	Giang Sơn	24 giờ
23	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai	Đồng Nai	Tà Lài	24 giờ
24		An Giang	Tiên	Tân Châu	5 ngày, ảnh hưởng triều
25			Hậu	Châu Đốc	5 ngày, ảnh hưởng triều

Phụ lục IV
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN DO ĐÀI
KTTV BẮC BỘ, ĐÀI KTTV TRUNG BỘ, ĐÀI KTTV NAM BỘ VÀ TÂY
NGUYÊN, ĐÀI KTTV TỈNH THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
I	Đài KTTV Bắc Bộ			
1	Tỉnh Sơn La	Mã	Xã Là	24 giờ
2		Đà	Tạ Bú	24 giờ
3		Nậm Pàn	Hát Lót	24 giờ
4	Tỉnh Lai Châu	Đà	Pắc Ma	24 giờ
5		Nậm Bum	Nà Hừ	24 giờ
6		Nậm Na	Nậm Giàng	24 giờ
7		Nậm Mu	Tà Gia	24 giờ
8	Tỉnh Điện Biên	Đà	Mường Lay	24 giờ
9		Nậm Nưa	Bản Yên	24 giờ
10		Nậm Mực	Na Sang	24 giờ
11	Tỉnh Phú Thọ	Thao	Phú Thọ	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
12		Lô	Vụ Quang	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
13			Việt Trì	24 giờ
14		Bứa	Thanh Sơn	24 giờ
15		Thao	Lào Cai	24 giờ
16	Tỉnh Lào Cai	Hồng	Bảo Hà	24 giờ
17		Cháy	Bảo Yên	24 giờ
18		Nghĩa Đô	Vĩnh Yên	24 giờ
19		Ngòi Nhù	Ngòi Nhù	24 giờ
20	Tỉnh Yên Bái	Nậm Kim	Mù Căng Chải	24 giờ
21		Ngòi Thia	Ngòi Thia	24 giờ
22		Ngòi Hút	Ngòi Hút	24 giờ
23		Cháy	Thác Bà	24 giờ
24		Thao	Yên Bái	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
25	Tỉnh Hà Giang	Lô	Hà Giang	24 giờ
26			Vĩnh Tuy	24 giờ
27			Bắc Quang	24 giờ
28		Gâm	Bắc Mê	24 giờ

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
29	Tỉnh Tuyên Quang	Lô	Hàm Yên	24 giờ
30			Tuyên Quang	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
31		Gâm	Na Hang	24 giờ
32			Chiêm Hóa	24 giờ
33	Tỉnh Cao Bằng	Bằng Giang	Bằng Giang	24 giờ
34		Gâm	Bảo Lạc	24 giờ
35	Tỉnh Lạng Sơn	Kỳ Cùng	Lạng Sơn	24 giờ
36		Trung	Hữu Lũng	24 giờ
37		Bắc Giang	Vân Mịch	24 giờ
38	Tỉnh Bắc Kạn	Cầu	Thác Giềng	24 giờ
39			Cầu Phà	24 giờ
40			Chợ Mới	24 giờ
41	Tỉnh Vĩnh Phúc	Phó Đáy	Quảng Cư	24 giờ
42	Tỉnh Hòa Bình	Đà	Hòa Bình	24 giờ
43		Bôi	Hưng Thi	24 giờ
44		Bùi	Lâm Sơn	24 giờ
45	Thành phố Hà Nội	Hồng	Sơn Tây	24 giờ
46			Hà Nội	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
47		Đáy	Ba Thá	24 giờ
48		Đà	Trung Hà	24 giờ
49		Đuống	Thượng Cát	24 giờ
50	Tỉnh Hưng Yên	Hồng	Hưng Yên	24 giờ, ảnh hưởng triều
51	Tỉnh Nam Định	Đào	Nam Định	24 giờ, ảnh hưởng triều
52		Ninh Cơ	Trực Phương	24 giờ, ảnh hưởng triều
53			Phú Lễ	24 giờ, ảnh hưởng triều
54	Tỉnh Hà Nam	Đáy	Phủ Lý	24 giờ, ảnh hưởng triều
55	Tỉnh Ninh Bình	Hoàng Long	Bến Đé	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
56			Gián Khẩu	24 giờ, ảnh hưởng triều
57		Đáy	Ninh Bình	24 giờ, ảnh hưởng triều
58			Như Tân	24 giờ,

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
				ảnh hưởng triều
59	Tỉnh Hải Dương	Kinh Môn	An Phụ	24 giờ, ảnh hưởng triều
60		Gù	Bá Nha	24 giờ, ảnh hưởng triều
61		Thái Bình	Phả Lại	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
62			Cát Khê	24 giờ, ảnh hưởng triều
63		Kinh Thầy	Bến Bình	24 giờ, ảnh hưởng triều
64		Rạng	Quảng Đạt	24 giờ, ảnh hưởng triều
65	Tỉnh Thái Bình	Trà Lý	Thành phố Thái Bình	24 giờ, ảnh hưởng triều
66			Đông Quý	24 giờ, ảnh hưởng triều
67			Quyết Chiến	24 giờ, ảnh hưởng triều
68		Hồng	Tiến Đức	24 giờ, ảnh hưởng triều
69			Ba Lạt	24 giờ, ảnh hưởng triều
70		Luộc	Triều Dương	24 giờ, ảnh hưởng triều
71	Tỉnh Thái Nguyên	Cầu	Gia Bảy	24 giờ
72			Chã	24 giờ
73	Tỉnh Bắc Ninh	Đuống	Bến Hồ	24 giờ, ảnh hưởng triều
74		Cầu	Đáp Cầu	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
75			Phúc Lộc Phương	24 giờ, ảnh hưởng triều
76	Tỉnh Bắc Giang	Thương	Phủ Lạng Thương	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
77			Cầu Sơn	24 giờ
78		Lục Nam	Lục Nam	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
79			Chũ	24 giờ

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
80			Cầm Đàn	24 giờ
81	Thành phố Hải Phòng	Luộc	Chanh Chử	24 giờ, ảnh hưởng triều
82		Văn Úc	Trung Trang	24 giờ, ảnh hưởng triều
83			Quang Phục	24 giờ, ảnh hưởng triều
84		Bạch Đằng	Do Nghi	24 giờ, ảnh hưởng triều
85		Cầm	Cửa Cầm	24 giờ, ảnh hưởng triều
86		Thái Bình	Đông Xuyên	24 giờ, ảnh hưởng triều
87		Mới	Tiên Tiến	24 giờ, ảnh hưởng triều
88		Lạch Tray	Kiến An	24 giờ, ảnh hưởng triều
89		Kinh Thầy	Cao Kênh	24 giờ, ảnh hưởng triều
90	Tỉnh Quảng Ninh	Đá Bạch	Đồn Sơn	24 giờ, ảnh hưởng triều
91		Kinh Thầy	Bến Triều	24 giờ, ảnh hưởng triều
92		Tiên Yên	Bình Liêu	24 giờ
93	Tỉnh Thanh Hóa	Mã	Mường Lát	24 giờ
94			Hồi Xuân	24 giờ
95			Cầm Thủy	24 giờ
96			Lý Nhân	24 giờ
97			Giàng	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
98			Quảng Châu	24 giờ, ảnh hưởng triều
99		Lèn	Lèn	24 giờ, ảnh hưởng triều
100			Cụ Thôn	24 giờ, ảnh hưởng triều
101		Bưởi	Thạch Quảng	24 giờ
102			Kim Tân	24 giờ
103		Ấm	Lang Chánh	24 giờ
104		Chu	Cửa Đạt	24 giờ
105			Bái Thượng	24 giờ
106			Xuân Khánh	24 giờ
107		Yên	Chuối	24 giờ,

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
				ảnh hưởng triều
108			Ngọc Trà	24 giờ, ảnh hưởng triều
II	Đài KTTV Trung Bộ			
1	Tỉnh Nghệ An	Hiếu	Quỳ Châu	24 giờ
2			Nghĩa Khánh	24 giờ
3		Cả	Mường Xén	24 giờ
4			Thạch Giám	24 giờ
5			Con Cuông	24 giờ
6			Dừa	24 giờ
7			Đô Lương	24 giờ
8			Yên Thượng	24 giờ
9			Nam Đàn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
10			Chợ Tràng	24 giờ, ảnh hưởng triều
11			Cửa Hội	24 giờ, ảnh hưởng triều
12	Tỉnh Hà Tĩnh	Ngàn Sâu	Chu Lễ	24 giờ
13			Hòa Duyệt	24 giờ
14		Ngàn Phố	Sơn Diệm	24 giờ
15		La	Linh Cảm	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
16		Rào Cái	Thạch Đồng	24 giờ, ảnh hưởng triều
17		Rác	Cẩm Nhượng	24 giờ, ảnh hưởng triều
18	Thành phố Đà Nẵng	Hàn	Cẩm Lệ	24 giờ, ảnh hưởng triều
19	Tỉnh Quảng Bình	Gianh	Đồng Tâm	24 giờ
20			Mai Hóa	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
21			Tân Mỹ	24 giờ, ảnh hưởng triều
22		Nhật Lệ	Đồng Hới	24 giờ, ảnh hưởng triều
23		Kiến Giang	Kiến Giang	24 giờ
24			Lệ Thủy	24 giờ, ảnh hưởng triều
25	Tỉnh Quảng Trị	Hiếu	Đông Hà	24 giờ,

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
				ảnh hưởng triều
26		Thạch Hãn	Thạch Hãn	24 giờ, ảnh hưởng triều
27			Cửa Việt	24 giờ, ảnh hưởng triều
28		Bến Hải	Gia Vòng	24 giờ
29			Hiền Lương	24 giờ, ảnh hưởng triều
30	Thành phố Huế	Hương	Kim Long	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
31		Tả Trạch	Thượng Nhật	24 giờ
32		Bồ	Phú Ốc	24 giờ, ảnh hưởng triều
33		Ô Lâu	Phong Bình	24 giờ, ảnh hưởng triều
34		Truồi	Cầu Truồi	24 giờ, ảnh hưởng triều
35	Tỉnh Quảng Nam	Cái	Thành Mỹ	24 giờ
36		Vu Gia	Hội Khách	24 giờ
37			Ái Nghĩa	24 giờ
38		Thu Bồn	Hiệp Đức	24 giờ
39			Nông Sơn	24 giờ
40			Giao Thủy	24 giờ
41			Câu Lâu	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
42		Hội An	36 giờ, ảnh hưởng triều	
43		Tam Kỳ	Tam Kỳ	24 giờ, ảnh hưởng triều
44		Tỉnh Quảng Ngãi	Trà Khúc	Sơn Giang
45	Trà Khúc			Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
46	Sông Vệ		An Chi	24 giờ
47			Sông Vệ	24 giờ, ảnh hưởng triều
48	Trà Câu		Trà Câu	24 giờ, ảnh hưởng triều
49	Trà Bồng		Châu Ổ	24 giờ, ảnh hưởng triều
50	Tỉnh Khánh	Cái Nha Trang	Đồng Trăng	24 giờ

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
51	Hòa		Diên Phú	24 giờ
52		Dinh Ninh Hòa	Ninh Hòa	24 giờ
53	Tỉnh Bình Định	Lại Giang	An hòa	24 giờ
54			Bồng Sơn	24 giờ
55		Kôn	Vĩnh Sơn	24 giờ
56			Bình Nghi	24 giờ
57			Thanh Hòa	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
58	Tỉnh Phú Yên	Kỳ Lộ	Xuân Quang	24 giờ
59			Hà Bằng	24 giờ
60			Đa Lộc	24 giờ
61		Bàn Thạch	Hòa Mỹ Tây	24 giờ
62		Tam Giang	Xuân Lâm	24 giờ
63		Ba	Củng Sơn	24 giờ
64			Phú Lâm	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
65	Tỉnh Ninh Thuận	Cái Phan Rang	Tân Mỹ	24 giờ
66			Phan Rang	24 giờ
67	Tỉnh Bình Thuận	La Ngà	Tà Pao	24 giờ
68		Lũy	Lũy	24 giờ
69		Cái-Cà Ty	Phan Thiết	24 giờ, ảnh hưởng triều
III	Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên			
1	Tỉnh Gia Lai	Ayun	Pmorê	24 giờ
2		Ba	An Khê	24 giờ
3			Ayunpa	24 giờ
4	Tỉnh Kon Tum	Krông Pô Kô	Đắk Môt	24 giờ
5		Đắk Bla	Kon Plong	24 giờ
6			Kon Tum	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
7			Đắk Tờ Kan	24 giờ
8	Tỉnh Đắk Lắk	Krông Buk	Krông Buk	24 giờ
9		KrôngAna	Giang Sơn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
10		SrêPôk	Bản Đôn	24 giờ
11		Krông Nô	Đức Xuyên	24 giờ
12	Tỉnh Đắk Nông	EaKrông	Cầu 14	24 giờ
13		Đăk Nông	Đăk Nông	24 giờ

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
14	Tỉnh Lâm Đồng	La Ngà	Đại Nga	24 giờ
15		Cam Ly	Thanh Bình	24 giờ
16		Đa Nhim	Đại Ninh	24 giờ
17	Thành phố Hồ Chí Minh	Sài Gòn	Phú An	5 ngày, ảnh hưởng triều
18		Đồng Nai	Nhà Bè	5 ngày, ảnh hưởng triều
19	Tỉnh Bình Dương	Sài Gòn	Dầu Tiếng	5 ngày, ảnh hưởng triều
20			Thủ Dầu Một	5 ngày, ảnh hưởng triều
21		Bé	Phước Hòa	24 giờ
22	Tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	Biên Hòa	5 ngày, ảnh hưởng triều
23			Tà Lài	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
24		La Ngà	Phú Hiệp	24 giờ
25		Hồ Trị An	Trị An	24 giờ
26	Tỉnh Tây Ninh	Vàm Cỏ Đông	Gò Dầu Hạ	5 ngày, ảnh hưởng triều
27		Bến Đá	Cần Đăng	24 giờ
28	Tỉnh Long An	Kênh Hồng Ngự	Tân Hưng	5 ngày, ảnh hưởng triều
29		Vàm Cỏ Đông	Bến Lức	5 ngày, ảnh hưởng triều
30		Vàm Cỏ Tây	Mộc Hóa	5 ngày, ảnh hưởng triều
31			Tân An	5 ngày, ảnh hưởng triều
32			Tuyên Nhơn	5 ngày, ảnh hưởng triều
33			Kiến Bình	5 ngày, ảnh hưởng triều
34		Bà Rài	Cai Lậy	5 ngày, ảnh hưởng triều
35	Tỉnh Tiền Giang	Kênh Xáng	Long Định	5 ngày, ảnh hưởng triều
36		Cửa Tiểu	Hòa Bình	5 ngày, ảnh hưởng triều
37			Vàm Kênh	5 ngày, ảnh hưởng triều
38		Tiền	Mỹ Tho	5 ngày, ảnh hưởng triều
39		Tiền	Hậu Mỹ Bắc	5 ngày,

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
				ảnh hưởng triều
40	Tỉnh Bến Tre	Hàm Luông	Mỹ Hóa	5 ngày, ảnh hưởng triều
41		Hàm Luông	An Thuận	5 ngày, ảnh hưởng triều
42		Cửa Đại	Bình Đại	5 ngày, ảnh hưởng triều
43		Cỏ Chiên	Bến Trại	5 ngày, ảnh hưởng triều
44		Tiền	Chợ Lách	5 ngày, ảnh hưởng triều
45	Tỉnh Vĩnh Long	Tiền	Mỹ Thuận	5 ngày, ảnh hưởng triều
46	Tỉnh Trà Vinh	Cỏ Chiên	Trà Vinh	5 ngày, ảnh hưởng triều
47		Hậu	Cầu Quan	5 ngày, ảnh hưởng triều
48	Tỉnh Sóc Trăng	Hậu	Đại Ngãi	5 ngày, ảnh hưởng triều
49		Hậu	Trần Đề	5 ngày, ảnh hưởng triều
50	Tỉnh Hậu Giang	Cái Côn	Phụng Hiệp	5 ngày, ảnh hưởng triều
51		Xà No	Vị Thanh	5 ngày, ảnh hưởng triều
52	Thành phố Cần Thơ	Hậu	Cần Thơ	5 ngày, ảnh hưởng triều
53	Tỉnh An Giang	Rạch Ông Chưởng	Chợ Mới	5 ngày, ảnh hưởng triều
54		K. Vĩnh Tế	Xuân Tô	5 ngày, ảnh hưởng triều
55			Vĩnh Gia	5 ngày, ảnh hưởng triều
56		Kênh Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	5 ngày, ảnh hưởng triều
57		Tiền	Tân Châu	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
58		Hậu	Châu Đốc	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
59			Long Xuyên	5 ngày, ảnh hưởng triều
60			Khánh An	5 ngày, ảnh hưởng triều
61			Tri Tôn	5 ngày,
		Kênh Tri Tôn	Tri Tôn	5 ngày,

TT	Bản tin dự báo	Sông	Tên trạm	Thời hạn dự báo
				ảnh hưởng triều
62		Kênh Tri Tôn	Cô Tô	5 ngày, ảnh hưởng triều
63		Kênh Tám Ngàn	Lò Gạch (Lương An Trà)	5 ngày, ảnh hưởng triều
64		Kênh Ba Thê	Vọng Thê	5 ngày, ảnh hưởng triều
65		Kênh Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	5 ngày, ảnh hưởng triều
66		Vàm Nao	Vàm Nao	5 ngày, ảnh hưởng triều
67	Tỉnh Đồng Tháp	Tiền	Cao Lãnh	5 ngày, ảnh hưởng triều
68		Kênh Phước Xuyên	Trường Xuân	5 ngày, ảnh hưởng triều
69	Tỉnh Kiên Giang	Cái Sắn	Tân Hiệp	5 ngày, ảnh hưởng triều
70		Kênh T5	Nông Trường	5 ngày, ảnh hưởng triều
71		Kiên (Kênh RG-LX)	Rạch Giá	5 ngày, ảnh hưởng triều
72		Cái Lớn	Xẻo Rô	5 ngày, ảnh hưởng triều
73		Kênh Vĩnh Tế	Vĩnh Điều	5 ngày, ảnh hưởng triều
74		Kênh T3	Vĩnh Phú	5 ngày, ảnh hưởng triều
75		Kênh Rạch Giá- Long Xuyên	Tân Thành	5 ngày, ảnh hưởng triều
76		Kênh Tri Tôn	Nam Thái Sơn	5 ngày, ảnh hưởng triều
77	Tỉnh Bạc Liêu	Gành Hào	Gành Hào	5 ngày, ảnh hưởng triều
78		Quản Lộ Phụng Hiệp	Phước Long	5 ngày, ảnh hưởng triều
79	Tỉnh Cà Mau	Gành Hào	Cà Mau	5 ngày, ảnh hưởng triều
80		Cửa Lớn	Năm Căn	5 ngày, ảnh hưởng triều
81		Đốc	Sông Đốc	5 ngày, ảnh hưởng triều

Phụ lục V
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DO TRUNG
TÂM DỰ BÁO KTTV QUỐC GIA THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Sông	Tên trạm thủy văn
1	Thao	Yên Bái
2	Lô	Tuyên Quang
3	Đà	Hồ Hòa Bình
4	Hồng	Hà Nội
5	Câu	Gia Bảy
6	Lục Nam	Chũ
7	Mã	Cẩm Thủy
8	Cả	Yên Thượng
9	Ngàn Sâu	Hòa Duyệt
10	Hương	Thượng Nhật
11	Thu Bồn	Nông Sơn
12	Trà Khúc	Sơn Giang
13	Ba	Củng Sơn
14	Cái Nha Trang	Đồng Trăng
15	Đăk Bla	Kon Tum
16	Srêpôk	Giang Sơn
17	Tiên	Tân Châu
18	Hậu	Châu Đốc

Phụ lục VI
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DO ĐÀI KTTV
BẮC BỘ, ĐÀI KTTV TRUNG BỘ, ĐÀI KTTV NAM BỘ VÀ
TÂY NGUYÊN THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Ghi chú
1	Đài KTTV Bắc Bộ (khu vực miền núi phía bắc)	Sơn La	Đà	Tạ Bú	
2		Điện Biên	Đà	Mường Lay	
3			Nậm Múc	Na Sang	
4			Nậm Nưa	Bản Yên	
5		Lai Châu	Nậm Mu	Tà Gia	
6			Nậm Na	Nậm Giàng	
7			Nậm Bum	Nà Hừ	
8		Sơn La	Mã	Xã Là	
9		Lào Cai	Hồng	Lào Cai	
10			Cháy	Bảo Yên	
11			Nghĩa Đô	Vĩnh Yên	
12			Ngòi Nhù	Ngòi Nhù	
13		Yên Bái	Hồng	Yên Bái	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
14			Ngòi Hút	Ngòi Hút	
15			Nậm Kim	Mù Cang Chải	
16		Tuyên Quang	Gâm	Chiêm Hoá	
17			Lô	Hàm Yên	
18			Lô	Ghềnh Gà	

TT	Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Ghi chú
19		Phú Thọ	Lô	Vụ Quang	
20			Búra	Thanh Sơn	
21		Hà Giang	Gâm	Bắc Mê	
22			Lô	Vĩnh Tuy	
23		Bắc Kạn	Năng	Đầu Đăng	
24			Cầu	Cầu Phà	
25		Lạng Sơn	Kỳ Cùng	Lạng Sơn	
26			Bắc Giang	Vân Mịch	
27		Cao bằng	Bằng Giang	Bằng Giang	
1	Đài KTTV Bắc Bộ (khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	Vĩnh Phúc	Phó Đáp	Quảng Cư	
2		Hòa Bình	Đà	Hồ Hòa Bình	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
3			Bùi	Lâm Sơn	
4		Hà Nội	Hong	Sơn Tây	
5				Hà Nội	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
6			Đuống	Thượng Cát	
7		Thái Nguyên	Cầu	Gia Bảy	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
8		Nam Định	Đào	Nam Định	
9			Ninh Cơ	Trực Phương	
10		Bắc Giang	Lục Nam	Chũ	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

TT	Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Ghi chú
11		Hải Dương	Kinh Thầy	Bến Bình	
12			Thái Bình	Cát Khê	
13			Gù	Bá Nha	
14		Thái Bình	Trà Lý	Quyết Chiến	
15			Luộc	Triều Dương	
16			Hồng	Ba Lạt	
17		Hải Phòng	Kinh Thầy	Cửa Cấm	
18			Văn Úc	Trung Trang	
19		Quảng Ninh	Tiên Yên	Bình Liêu	
1	Đài KTTV Trung Bộ (khu vực bắc Trung Bộ)	Thanh Hóa	Mã	Cầm Thủy	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
2				Mường Lát	
3			Chu	Cửa Đạt	
4		Nghệ An	Hiếu	Quỳ Châu	
5				Nghĩa Khánh	
6			Cả	Dừa	
7				Yên Thượng	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
8				Mường Xén	
9		Hà Tĩnh	Ngàn Phố	Sơn Diệm	
10			Ngàn Sâu	Hoà Duyệt	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia

TT	Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Ghi chú
1	Đài KTTV Trung Bộ (khu vực trung Trung Bộ)	Quảng Bình	Rào Nậy	Đồng Tâm	
2		Quảng Trị	Bến Hải	Gia Vòng	
3		Thừa Thiên Huế	Hương	Thượng Nhật	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
4		Quảng Nam	Vu Gia	Thành Mỹ	
5			Thu Bồn	Nông Sơn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
6		Quảng Ngãi	Vệ	An Chỉ	
7			Trà Khúc	Sơn Giang	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
1	Đài KTTV Trung Bộ (khu vực nam Trung Bộ)	Bình Định	An Lão	An Hòa	
2		Phú Yên	Ba	Củng Sơn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
3			Kỳ Lộ	Xuân Quang	
4		Khánh Hòa	Cái Nha Trang	Đồng Trăng	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
5		Bình Thuận	Sông Lũy	Sông Lũy	
6			La Ngà	Tà Pao	
1	Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên (khu vực Nam Bộ)	Đồng Nai	Đồng Nai	Tà Lài	
2			La Ngà	Phú Hiệp	
3		Bình Dương	Bé	Phước Hòa	
4		Vĩnh Long	Tiền	Mỹ Thuận	
5		Cần Thơ	Hậu	Cần Thơ	

TT	Khu vực	Tỉnh/Thành phố	Sông	Tên trạm	Ghi chú
6		An Giang	Tiền	Tân Châu	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
7			Hậu	Châu Đốc	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
1	Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên (khu vực Tây Nguyên)	Kon Tum	Đakbla	Đăk Mốt	
2				Kon Tum	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
3				Kon Plông	
4		Đăk Nông	Ea Krông	Cầu 14	
5		Đăk Nông	Krông Nô	Đức Xuyên	
6			Đăk Nông	Đăk Nông	
7		Đăk Lăk	Krông Buk	Krông Buk	
8			Sê Rê Pôk	Bản Đôn	
9			Krông Ana	Giang Sơn	Sử dụng kết quả dự báo của Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
10		Gia Lai	Ayun	Ayun Pa	
11				An Khê	
12				Pmôrê	
13		Lâm Đồng	La Ngà	Đại Nga	
14			Cam Ly	Thanh Bình	

Phụ lục VII
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO HẢI VĂN DO TRUNG TÂM DỰ
BÁO KTTV QUỐC GIA, ĐÀI KTTV BẮC BỘ, ĐÀI KTTV TRUNG BỘ,
ĐÀI KTTV NAM BỘ VÀ TÂY NGUYÊN THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

STT	Tỉnh	Tên trạm	Ghi chú
I	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia		
1	Quảng Ninh	Cô Tô	
2	Hải Phòng	Bạch Long Vỹ	
3	Nghệ An	Hòn Ngư	
4	Đà Nẵng	Hoàng Sa	
5	Quảng Ngãi	Lý Sơn	
6	Khánh Hòa	Trường Sa	
7	Bình Thuận	Phú Quý	
8	Bà Rịa Vũng Tàu	Côn Đảo	
9	Kiên Giang	Thổ Chu	
II	Đài KTTV Bắc Bộ		
1	Quảng Ninh	Cửa Ông	
2		Bãi Cháy	
3		Cô Tô	
4		Trà Cổ	
5	Hải Phòng	Bạch Long Vĩ	
6		Hòn Dấu	
7	Nam Định	Vùng biển thuộc Nam Định	Số liệu căn cứ theo trạm hải văn lân cận
8	Ninh Bình	Vùng biển thuộc Ninh Bình	
9	Thái Bình	Vùng biển thuộc Thái Bình	
III	Đài KTTV Trung Bộ (khu vực bắc Trung Bộ)		
1	Thanh Hóa	Sầm Sơn	
2	Nghệ An	Hòn Ngư	
3	Hà Tĩnh	Hoành Sơn	
IV	Đài KTTV Trung Bộ (khu vực trung Trung Bộ)		
1	Quảng Trị	Cồn Cỏ	
2	Đà Nẵng	Sơn Trà	
3		Hoàng Sa	
4	Quảng Ngãi	Lý Sơn	
V	Đài KTTV Trung Bộ (khu vực nam Trung Bộ)		
1	Bình Định	Quy Nhơn	
2	Khánh Hòa	Trường Sa	
3		Song Tử Tây	
4	Bình Thuận	Phú Quý	
VI	Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên		
1	Bà Rịa – Vũng Tàu	Côn Đảo	
2		Vũng Tàu	
3		DKI-7	
4	Kiên Giang	Phú Quốc	
5		Thổ Chu	

Phụ lục VIII
DANH SÁCH CÁC VỊ TRÍ DỰ BÁO KTTV PHỤC VỤ NÔNG NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

STT	Tỉnh/thành phố	Tên trạm	Ghi chú
1	Lai Châu	Tam Đường	
2	Lào Cai	Lào Cai	
3	Hà Giang	Hà Giang	
4	Sơn La	Sơn La	
5	Cao Bằng	Cao Bằng	
6	Bắc Giang	Bắc Giang	
7	Bắc Cạn	Bắc Cạn	
8	Điện Biên	Điện Biên	
9	Tuyên Quang	Tuyên Quang	
10	Phú Thọ	Việt Trì	
11	Yên Bái	Yên Bái	
12	Hòa Bình	Hòa Bình	
13	Lạng sơn	Lạng Sơn	
14	Thái Nguyên	Thái Nguyên	
15	Quảng Ninh	Móng cái	
16	Bắc Ninh	Bắc Ninh	
17	Vĩnh Phúc	Vĩnh Yên	
18	Hà Nam	Hà Nam	
19	Hưng Yên	Hưng Yên	
20	Nam Định	Nam Định	
21	Ninh Bình	Ninh Bình	
22	Hà Nội	Hà Đông	
23	Hải Phòng	Phủ Liễn	
24	Hải Dương	Hải Dương	
25	Thái Bình	Thái Bình	
26	Thanh Hoá	Thanh Hoá	
27	Nghệ An	Vinh	
28	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	
29	Quảng Bình	Đồng Hới	
30	Quảng Trị	Đồng Hà	

STT	Tỉnh/thành phố	Tên trạm	Ghi chú
31	Huế	Huế	
32	Quảng Nam	Tam Kỳ	
33	Đà Nẵng	Đà Nẵng	
34	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	
35	Bình Định	Quy Nhơn	
36	Phú Yên	Tuy Hoà	
37	Khánh Hòa	Nha Trang	
38	Bình Thuận	Phan Thiết	
39	Ninh Thuận	Phan Rang	
40	Kon Tum	Kon Tum	
41	Gia Lai	Pleiku	
42	Đắk Lắk	Buôn Ma Thuộc	
43	Lâm Đồng	Đà Lạt	
44	Đắk Nông	Đắk Nông	
45	Bình Phước	Phước Long	
46	Hồ Chí Minh	Nhà Bè	
47	Đồng Nai	Biên Hòa	
48	Tây Ninh	Tây Ninh	
49	Bình Dương	Thủ Dầu Một (Sở Sao)	
50	Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng tàu	
51	Bến Tre	Bến Tre	
52	Trà Vinh	Càng Long	
53	Hậu Giang	Vị Thanh	
54	Long An	Mộc Hóa	
55	Kiên Giang	Rạch Giá	
56	Đồng Tháp	Cao Lãnh	
57	An Giang	Châu Đốc	
58	Cần Thơ	Cần Thơ	
59	Vĩnh Long	Vĩnh Long	
60	Tiền Giang	Mỹ Tho	
61	Sóc Trăng	Sóc Trăng	
62	Cà Mau	Cà Mau	
63	Bạc Liêu	Bạc Liêu	

Phụ lục IX
DANH SÁCH CÁC ĐỊA CHỈ ĐƯỢC HỆ THỐNG DỰ BÁO, CẢNH BÁO
KTTV QUỐC GIA CUNG CẤP TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của
Cục trưởng Cục KTTV)

TT	Địa chỉ được cung cấp tin	Cơ quan cung cấp tin
1	Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
2	Đài Tiếng nói Việt Nam	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
3	Đài Truyền hình Việt Nam	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia
4	Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, huyện	Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh
5	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh
6	Phòng Quản lý dự báo và thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn	Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh
7	Các cơ quan khác	Theo thỏa thuận với Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia, Đài KTTV Bắc Bộ, Đài KTTV Trung Bộ, Đài KTTV Nam Bộ và Tây Nguyên, Đài KTTV tỉnh

Phụ lục X

NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN FILE CÁC BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO VÀ HỒ SƠ DỰ BÁO KTTV TRONG ĐIỀU KIỆN BÌNH THƯỜNG CỦA HỆ THỐNG DỰ BÁO, CẢNH BÁO KTTV QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của Cục trưởng Cục KTTV)

Tên file bản tin dự báo: ĐVDB_LOAI_YYYYMMDD_hhmm.pdf (hoặc .signed.pdf)

Tên file Hồ sơ dự báo: HS_ĐVDB_LOAI_YYYYMMDD_hhmm.pdf

Trong đó:

HS: Hồ sơ dự báo

ĐVDB: tên đơn vị dự báo. Ví dụ: Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia (DBQG); Đài KTTV Bắc Bộ (BABO); Đài KTTV tỉnh Quảng Ninh (QNIN)

LOAI: loại bản tin KTTV nguy hiểm, bình thường, liên hồ chứa, chuyên đề,...

YYYYMMDD_HHMM: năm, tháng, ngày, giờ, phút ban hành bản tin

Ví dụ tên file bản tin dự báo xu thế thời tiết 10 ngày của Trung tâm DBQG ban hành vào 14h30 ngày 10/06/2024:

DBQG_XTHE_20240610_1430.pdf hoặc DBQG_XTHE_20240610_1430.signed.pdf

STT	Loại bản tin	ĐVDB_LOAI của DBQG	ĐVDB_LOAI của Đài BABO, TRBO, NBTN	ĐVDB_LOAI của Đài tỉnh	Ghi chú
1	Xu thế thời tiết thời hạn 10 ngày	DBQG_XTHE	BABO_XTHE HNOI_XTHE	QNIN_XTHE	Nếu Đài KTTV thực hiện
2	Thời tiết điểm thời hạn 10 ngày	DBQG_DIEM	BABO_DIEM HNOI_DIEM	QNIN_DIEM	
3	Khí hậu thời hạn 01 tháng và 01 năm	DBQG_KH1T DBQG_KH1N	BABO_KH1T BABO_KH1N HNOI_KH1T HNOI_KH1N	QNIN_KH1T QNIN_KH1N	Nếu Đài KTTV thực hiện

STT	Loại bản tin	ĐVDB_LOẠI của DBQG	ĐVDB_LOẠI của Đài BABO, TRBO, NBTN	ĐVDB_LOẠI của Đài tỉnh	Ghi chú
4	Thủy văn thời hạn ngắn	DBQG_TVHN_*	BABO_TVHN HNOI_TVHN	QNIN_TVHN	* (nếu có): là viết tắt 07 khu vực theo 02 ký tự bao gồm: Miền núi phía Bắc (_MN); Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ (_DB); Bắc Trung Bộ (_BT), Trung Trung Bộ (_TT), Nam Trung Bộ (_NT); Tây Nguyên (_TN); Nam Bộ (_NB).
5	Thủy văn thời hạn vừa	DBQG_TVHV_*	BABO_TVHV HNOI_TVHV	QNIN_TVHV	* (nếu có): là viết tắt 07 khu vực theo 02 ký tự bao gồm: Miền núi phía Bắc (_MN); Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ (_DB); Bắc Trung Bộ (_BT), Trung Trung Bộ (_TT), Nam Trung Bộ (_NT); Tây Nguyên (_TN); Nam Bộ (_NB).
6	Thủy văn thời hạn dài	DBQG_TVHD_*	BABO_TVHD HNOI_TVHD	QNIN_TVHD	* (nếu có): là viết tắt 07 khu vực theo 02 ký tự bao gồm: Miền núi phía Bắc (_MN); Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ (_DB); Bắc Trung Bộ (_BT), Trung Trung Bộ (_TT), Nam Trung Bộ (_NT); Tây Nguyên (_TN); Nam Bộ (_NB).
7	Nguồn nước thời hạn ngắn	DBQG_NNHN_*	BABO_NNHN		* (nếu có): là viết tắt của 07 khu vực theo 02 ký tự bao gồm: Miền núi phía Bắc (_MN); Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ (_DB); Bắc Trung Bộ (_BT), Trung Trung Bộ (_TT), Nam Trung Bộ (_NT); Tây Nguyên (_TN); Nam Bộ (_NB).
8	Nguồn nước thời hạn vừa	DBQG_NNHV_*	BABO_NNHV		
9	Nguồn nước thời hạn dài	DBQG_NNHT_*	BABO_NNHT		
10	Nguồn nước hạn năm	DBQG_NN1N_*	BABO_NN1N		

STT	Loại bản tin	ĐVDB_LOẠI của ĐBQG	ĐVDB_LOẠI của Đài BABO, TRBO, NBTN	ĐVDB_LOẠI của Đài tỉnh	Ghi chú
					Bộ (_ NT); Tây Nguyên (_ TN); Nam Bộ (_ NB).
11	Thủy văn phục vụ quy trình vận hành liên hồ chứa (Lũ, hạn ngắn, tháng, tích nước)	DBQG_HOLU DBQG_HOHN DBQG_HO1T DBQG_HOTN DBQG_MALU DBQG_MAHN DBQG_MA1T DBQG_MATN	TRBO_CALU TRBO_CAHN TRBO_CA1T TRBO_CATN	NGAN_CALU NGAN_CAHN NGAN_CA1T NGAN_CATN	- Loại bản tin: Lũ (LU); Hạn ngắn-hạn vừa (HN); Tháng (1T); Tích nước (TN) - Sông: Hồng (HO); Mã (MA); Cả (CA); Hương (HG); Vu Gia-Thu Bồn (VT); Trà Khúc (TK); Kôn (KO); Ba (BA); Srêpôk (SR); Sê San (SS); Đồng Nai (DN) - Nếu Đài KTTV thực hiện
12	Hải văn thời hạn 10 ngày	DBQG_HVHV	BABO_HVHV		
13	Hải văn thời hạn tháng	DBQG_HV1T	BABO_HV1T		
14	Khí tượng thủy văn thời hạn mùa	DBQG_KTHM	BABO_KTHM HNOI_KTHM	QNIN_KTHM	
15	Khí tượng nông nghiệp thời hạn vừa	ĐVDB_KNHV_*			*: là viết tắt của 07 khu vực dự báo theo 02 ký tự bao gồm: Trung du miền núi phía bắc (TD); Đồng bằng sông hồng (SH); Bắc trung bộ (BT); Nam Trung bộ (NT); Tây Nguyên (TN); Đông Nam Bộ (DN); Đồng bằng sông cửu long (CL).
16	Khí tượng nông nghiệp thời hạn dài	ĐVDB_KNHD_*			
17	Khí tượng nông nghiệp thời hạn mùa	ĐVDB_KNHN_*			
A. Các bản tin dự báo chuyên đề					
1	Ví dụ bản tin dự báo thời tiết phục vụ tuần lễ APEC	DBQG_APEC	TRBO_APEC DNAN_APEC	QNAM_APEC	

Phụ lục XI

TÊN VIẾT TẮT ĐÀI KTTV BẮC BỘ, ĐÀI KTTV TRUNG BỘ, ĐÀI KTTV NAM BỘ VÀ TÂY NGUYÊN, ĐÀI KTTV TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-KTTV ngày tháng năm 2025 của Cục trưởng Cục KTTV)

Đài KTTV	TÊN ĐƠN VỊ	KÝ HIỆU	Đài KTTV	TÊN ĐƠN VỊ	KÝ HIỆU	Đài KTTV	TÊN ĐƠN VỊ	KÝ HIỆU
Bắc Bộ	Bắc Bộ/Hà Nội	BABO/HNOI	Trung Bộ	Trung Bộ/Đà Nẵng	TRBO/DNAN	Nam Bộ và Tây Nguyên	Nam Bộ và Tây Nguyên/TP.HCM	NBTN/HOCHIMINH
	Lai Châu	LCHA		Nghệ An	NGAN		Kon Tum	KTUM
	Điện Biên	DBIE		Hà Tĩnh	HTIN		Gia Lai	GLAI
	Sơn La	SOLA		Quảng Bình	QBIN		Đắk Lắk	DLAK
	Lào Cai	LCAI		Quảng Trị	QTRI		Đắk Nông	DNON
	Yên Bái	YBAI		Huế	THUE		Lâm Đồng	LDON
	Hà Giang	HAGI		Quảng Nam	QNAM		Bình Phước	BPHU
	Tuyên Quang	TQUA		Quảng Ngãi	QNGA		Bình Dương	BDUO
	Bắc Kạn	BKAN		Khánh Hòa	KHOA		Đồng Nai	DNAI
	Cao Bằng	CBAN		Bình Định	BDIN		Tây Ninh	TANI
	Lạng Sơn	LSON		Phú Yên	PYEN		Long An	LOAN
	Phú Thọ	PTHO		Ninh Thuận	NTHU		Tiền Giang	TGIA
	Hòa Bình	HBIN		Bình Thuận	BTHU		Vĩnh Long	VILO
	Vĩnh Phúc	VPHU					Cần Thơ	CTHO
	Thái Nguyên	TNGU					Đồng Tháp	DTHA
	Quảng Ninh	QNIN					An Giang	AGIA
	Hải Phòng	HPHO					Kiên Giang	KGIA
	Bắc Giang	BGIA					Hậu Giang	HGIA

Đài KTTV	TÊN ĐƠN VỊ	KÝ HIỆU	Đài KTTV	TÊN ĐƠN VỊ	KÝ HIỆU	Đài KTTV	TÊN ĐƠN VỊ	KÝ HIỆU
	Bắc Ninh	BNIN					Bà Rịa-Vũng Tàu	BRVT
	Hải Dương	HDUO					Sóc Trăng	STRA
	Hưng Yên	HYEN					Trà Vinh	TVIN
	Hà Nam	HNAM					Bến Tre	BTRE
	Nam Định	NDIN					Bạc Liêu	BLIE
	Thái Bình	TBIN					Cà Mau	CMAU
	Ninh Bình	NBIN						
	Thanh Hóa	THOA						